

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: 70-72 Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Cà Mau

Điện thoại: 0780.3839220- 3838282

Fax: 0780.3834358- 3836893

Website: www.tncm.com.vn

Email: info@tncm.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



**MŨI
CÀ MAU**
8°37'30" VỊ ĐỘ BẮC
104°43" KINH ĐỘ ĐÔNG

2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC



01 THÔNG TIN CHUNG

17 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

41 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



53 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

60 QUẢN TRỊ CÔNG TY

77 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

CMV

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

"Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn chia sẻ"

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
Tên giao dịch	CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY - CAMEX
Tên viết tắt	CAMEX
Giấy CNĐKDN số	2000110221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 16, ngày 15/04/2015
Vốn điều lệ	121.039.120.000 VNĐ
Địa chỉ	70-72 Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Cà Mau
Số điện thoại	0780.3839220- 3838282
Số fax	0780.3834358- 3836893
Website	www.tncm.com.vn
Email	info@tncm.com.vn
Mã cổ phiếu	CMV

“Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn chia sẻ”

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1980 - 1992

1

Xây dựng

- 1980** Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trước đây là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980.
- 1987 - 1996** Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty XNK thị xã (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (4/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh truyền hình Minh Hải (6/1996).
- 1992** Ngày 10/10/1992, Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng.

2007 - 2010

2

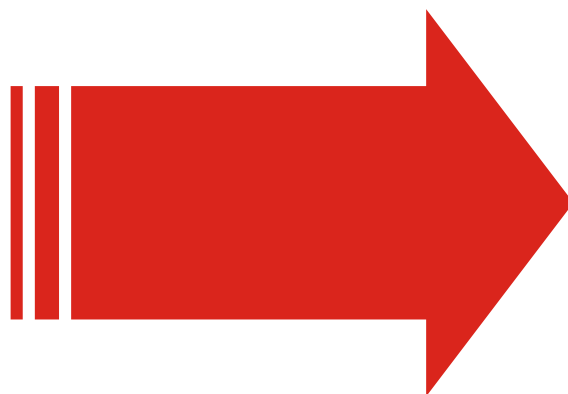
Hội nhập

- 2007** Ngày 06/02/2007 UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ - UB về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau. Ngày 01/12/2007 Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động.
- 2009** Công ty tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 80,499 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và cho CBCNV.
- 2010** Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%.
- Ngày 21/06/2010, Cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là CMV.

2012 - 2016

3

Phát triển



2012 Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành Esop cho cán bộ CNV tỷ lệ 5% và Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%. Vốn điều lệ là 121.039.120.000 đồng.

2016 Ngày 01/01/2016, thành lập Cửa hàng Điện Máy Lê Lợi.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Qua chặng đường hơn 25 năm hoạt động, Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã không ngừng củng cố hoàn thiện và phát triển toàn diện về mọi mặt. Kết quả sản xuất kinh doanh cùng những thành tích tiêu biểu của Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã khẳng định vị thế của đơn vị trên thương trường.



- Huân chương lao động hạng nhì năm 1999.
- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (1989 - 1999) năm 2000.
- Được xếp hạng Doanh nghiệp Nhà nước hạng I năm 2006.
- Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
- Liên tục trong các năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam), 2009, 2010, 2011, 2012, 2013 và năm 2015, (Top 100).
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.
- Với những thành tích trong hoạt động kinh doanh đã được xếp hạng 225 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2016 và xếp hạng 97 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2016 do Công ty cổ phần Báo Cáo Việt Nam (VN Report) phối hợp với Vietnamnet thực hiện.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty tập trung vào các lĩnh vực sau:



Kinh doanh xăng dầu (dầu, dầu nhờn...)

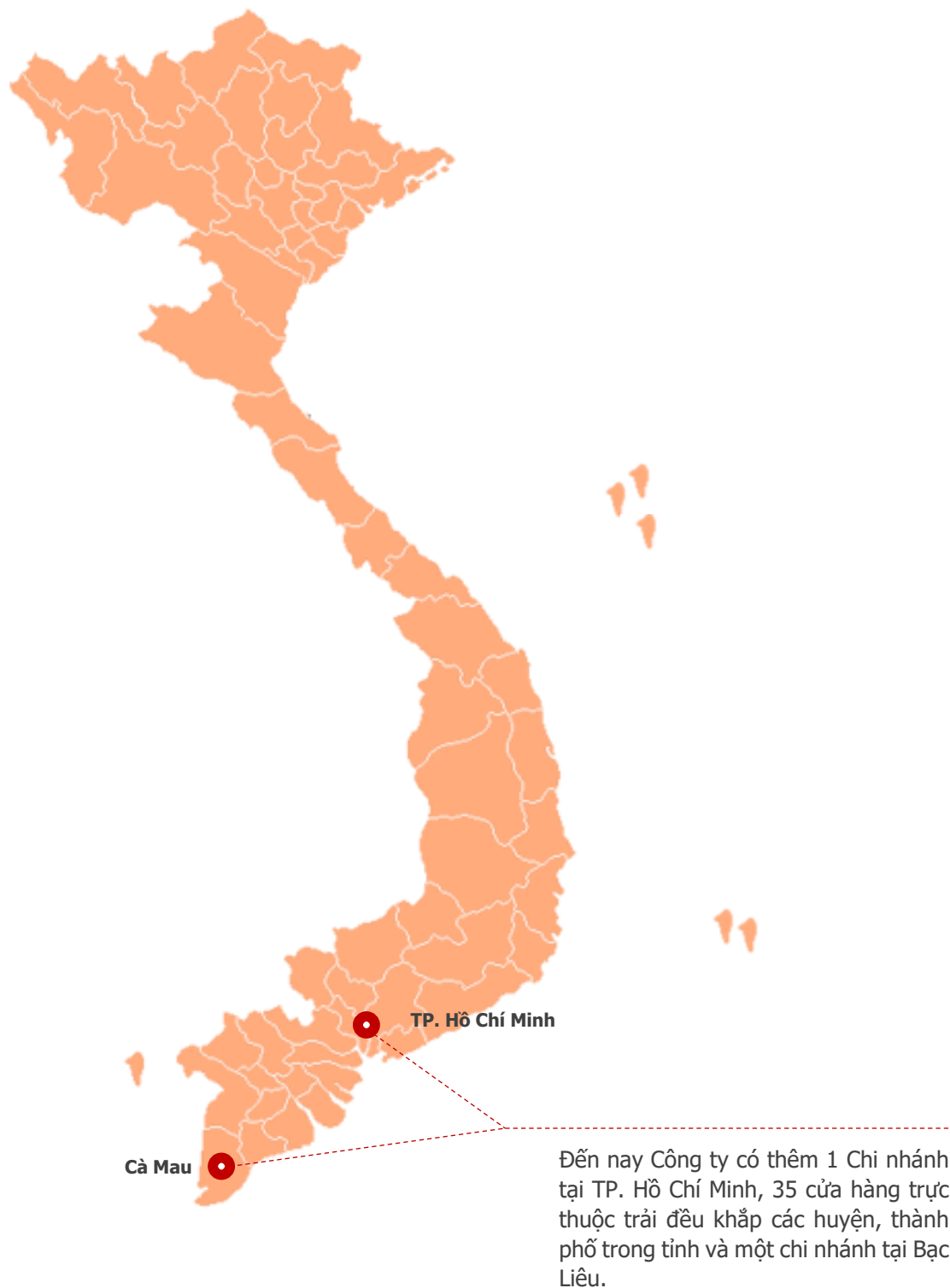


Kinh doanh cửa hàng bách hóa (thực phẩm đóng gói, nước giải khát, rượu bia, hàng tiêu dùng....)



Kinh doanh các ngành nghề kinh doanh khác: sang chiết nạp gas, kim khí điện máy, máy văn phòng, nông ngư cơ, đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác, thi công các công trình; may công nghiệp; dịch vụ gửi xe và rửa xe; làm đại lý, khai thác, lắp đặt, bảo hành, bảo trì sản phẩm; bán lẻ sách giáo khoa và dụng cụ học sinh...

Địa bàn hoạt động

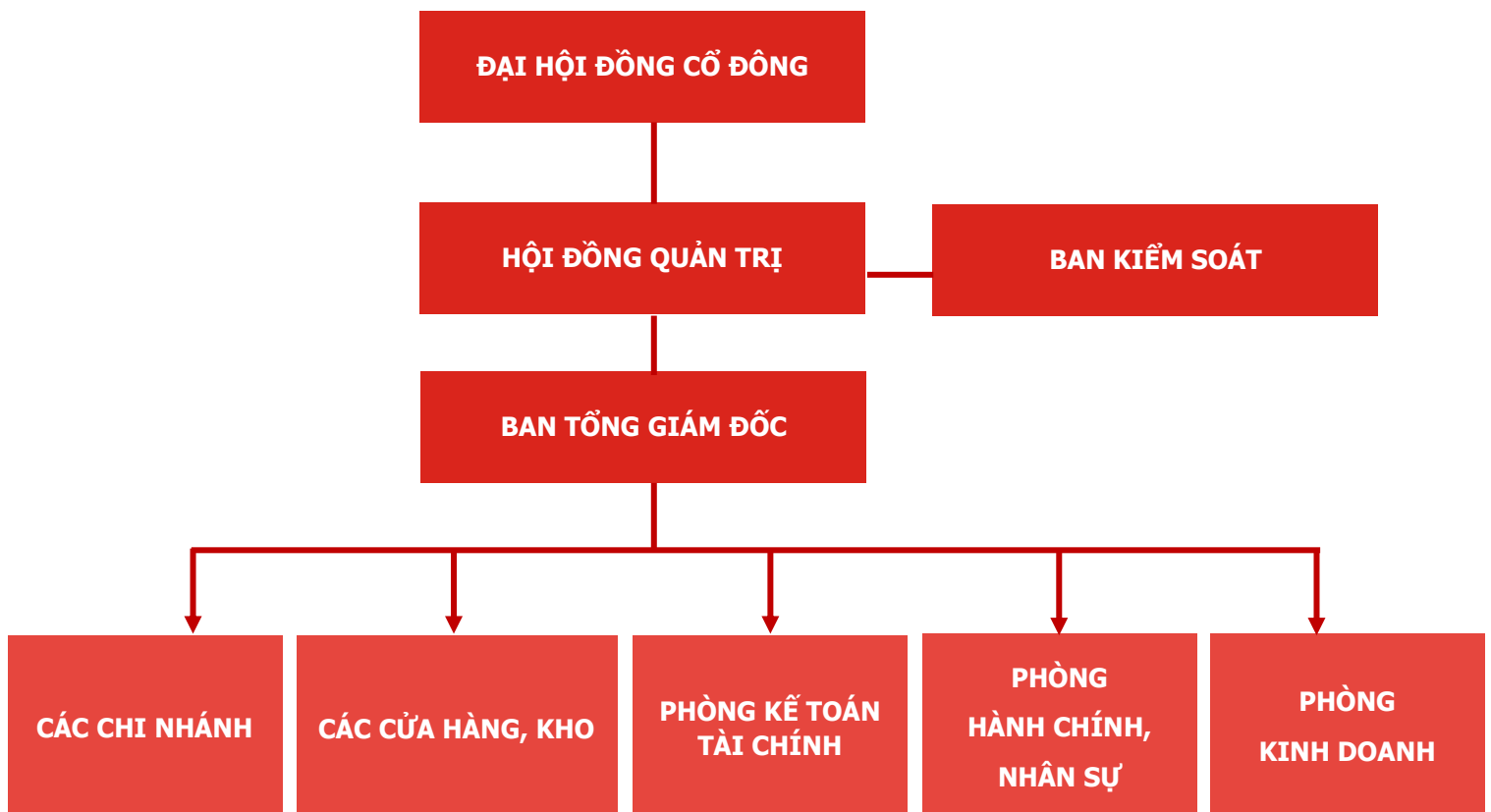


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, 03 phòng ban, 02 đơn vị thành viên, 04 Chi nhánh và 44 Cửa hàng trực thuộc.



Sơ đồ bộ máy tổ chức



Các Công ty con, Công ty liên kết

Tính đến thời điểm 31/12/2016 Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau đã có 02 Công ty con ở địa bàn 02 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu. Với chủ trương đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng chủng loại hàng hóa, tận dụng các ưu thế về hệ thống phân phối sẵn có để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Camex từng bước xem xét đầu tư thêm vào các lĩnh vực kinh doanh khác với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và sự phát triển ổn định, bền vững.

Công ty TNHH một thành viên Bách Việt (100% vốn Camex)

- Địa chỉ: Số 102 Phan Đình Phùng – Phường 2 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: (0780) 2241101
- Fax: (0780) 3831800
- Email: bachviet@tncm.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2016:

Đơn vị tính: đồng

6	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn điều lệ	12.000.000.000
2	Tổng doanh thu	323.596.838.180
3	Tổng giá vốn	319.146.083.262
4	Lợi nhuận trước thuế	4.450.754.918
5	Lợi nhuận sau thuế	3.300.989.172

Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu (55,03% vốn Camex)

- Địa chỉ: 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu
- Điện thoại: (0781) 3824419 - Fax: (0781) 3820727
- Ngành nghề kinh doanh: in ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ động; in vé số, nhãn hiệu, quăng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2016:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn điều lệ	8.400.000.000
2	Tổng doanh thu	40.372.800.979
3	Tổng giá vốn	35.751.176.762
4	Lợi nhuận trước thuế	4.621.624.217
5	Lợi nhuận sau thuế	3.697.299.374

Các Công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với mục tiêu phát triển ổn định bền vững, tương xứng với vị thế và tiềm năng, nâng cao uy tín thương nghiệp của Công ty, mở rộng thị phần duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5% đến 12%, đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư và cổ đông, nâng cao đời sống của người lao động.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Sau đây là mục tiêu cụ thể của Công ty đối với môi trường và xã hội:

- **Đối với môi trường**

Toàn thể Công ty thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường.

- **Đối với xã hội, cộng đồng**

Ban Tổng Giám đốc còn chú trọng hoạt động đoàn thể và công tác xã hội, tích cực vận động cán bộ nhân viên tham gia công tác từ thiện, đóng góp xây dựng các quỹ: đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, khuyến học, mái ấm công đoàn.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trước mắt, Công ty vẫn tập trung vào thị trường Cà Mau (với lĩnh vực xăng dầu), Công ty tiếp tục giữ vững thị phần bán buôn đồng thời phát triển nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng, phát triển hệ thống đại lý bán lẻ đến các vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1 - 2 cây xăng mới nằm trên các vị trí đắc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh.
- Đối với kinh doanh bách hóa, Công ty đang mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này. Với phương thức bán buôn – bán buôn lẻ và bán lẻ.
- Phân đấu trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thị trường ở tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng.
- Phát huy lợi thế tối đa các ngành nghề khác để gia tăng lợi nhuận như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas...
- Xây dựng chiến lược phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu của Công ty phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của CTCP Thương nghiệp Cà Mau là bán hàng bách hóa và kinh doanh xăng dầu. Cả hai ngành nghề chính này đều chịu sự ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ từ sự phát triển của nền kinh tế. Biến động thị trường xăng dầu trong nước gắn liền với biến động của thị trường thế giới. Theo Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), tính từ đầu năm đến nay, giá xăng đã tăng 15 lần với tổng cộng hơn 6.500 đồng/lít, giảm 8 lần với tổng cộng cũng gần 5.000 đồng/lít. Nước ta tuân thủ theo cơ chế giá thị trường. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn phải can thiệp vào việc kinh doanh mà chủ yếu là can thiệp vào giá. Điều này đã đưa đến tình trạng gần 10.000 cửa hàng bán lẻ xăng dầu Việt Nam đều có chung một mức giá bán lẻ như nhau, dù giá vốn của các doanh nghiệp đầu mỗi khác nhau, lãi lỗ của từng doanh nghiệp cũng khác nhau. Trong khi đó nguồn cung trong nước không đảm bảo. Hội nhập thế giới phải tuân thủ theo giá thế giới. Vậy trong xu thế từ năm 2014, giá xăng dầu thế giới đã giảm do nhiều yếu tố tác động như: kinh tế, chính trị... cho nên nguồn cung tăng rất mạnh do các quốc gia trong Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) không muốn mất thị phần và phải tăng sản lượng. Năm vừa qua, các nước trong khối OPEC đã quyết định giảm sản lượng, điều này mở ra hi vọng trong năm 2017 giá xăng dầu sẽ có thể phục hồi.

Theo Tổng cục thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Trong đó, khu vực dịch vụ tăng 6,98%, đóng góp 2,67 điểm phần trăm. Bán buôn và bán lẻ chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt mức tăng 8,28% so với năm 2015, đóng góp 0,77 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Có thể thấy, thị trường ngành bán lẻ vẫn có một sức tăng mạnh mẽ qua các năm và còn nhiều khả năng khai thác. Do sự bùng nổ về thị trường bán lẻ nên ngày càng nhiều doanh nghiệp bán lẻ xuất hiện, tranh giành thị phần đặc biệt là các ông lớn như Tesco (Anh), Wal - mart (Mỹ) và Fair - Price (Singapore) tham gia. Bên cạnh đó, thị trường bán lẻ đang dần trở nên tập trung và giảm phân mảnh do sự phát triển của các chuỗi bán lẻ. Các doanh nghiệp phân phối đang gặp nhiều cản trở để phát triển khi thị trường ngày càng bị thu hẹp. Với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong thời gian tới, thu nhập và đời sống của người dân dần được cải thiện, từ đó, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo, đó là điều kiện tốt để phát triển thị trường bán lẻ. Hiện nay, phần lớn người tiêu dùng có thói quen mua các mặt hàng thực phẩm (nhất là thực phẩm tươi sống) tại các chợ, các hộ kinh doanh độc lập. Trong những năm tới, cùng với quá trình đô thị hoá, thu nhập của dân cư tăng, ý thức về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm tốt hơn nên xu hướng mua hàng tại các loại hình siêu thị, cửa hàng chuyên doanh tăng cao, với tốc độ dự kiến trên 150%/năm.

OVERCOME

Rủi ro luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự tác động của luật Doanh Nghiệp, luật Chứng khoán, luật Thương Mại, và các quy định khác về kinh doanh xăng dầu. Hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh và còn nhiều quy định chồng chéo. Luật và các văn bản dưới Luật của Việt Nam đang còn trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Doanh nghiệp.

Hàng năm, Công ty tạo điều kiện cho nhân viên có những hiểu biết sâu và chính xác về các luật, bộ luật có liên quan phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng cách liên kết với các văn phòng luật sư hay Ban cố vấn về pháp luật cho Công ty để tổ chức các buổi hội thảo hay gửi người đi học.

Rủi ro đặc thù ngành

- Tính chất mùa vụ: Lĩnh vực bách hóa còn chịu sự tác động trực tiếp theo mùa vụ, doanh thu và lợi nhuận có thể tăng đột biến trong các dịp cuối năm, lễ, Tết... Ngoài các dịp lễ, Tết, Công ty cần phân bổ chi phí, nguồn tiền, chính sách hàng tồn kho hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu của các tháng cao điểm.
- Rủi ro hàng tồn kho: Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, quản lý hàng tồn kho là vấn đề rất quan trọng. Các thiết bị máy móc, công nghệ dễ hỏng hóc, giảm phẩm chất khi lưu kho quá lâu. Hơn nữa, trong ngành hàng công nghệ, các nhà sản xuất thiết bị công nghệ đều chạy đua cải tiến và ra mắt sản phẩm mới hằng năm. Do đó, các Công ty hoạt động kinh doanh phân phối và bán lẻ luôn luôn chịu rủi ro từ việc giảm giá hàng tồn kho, chi phí lưu kho.

Rủi ro về giá cả

Hiện tại, Việt Nam vẫn chưa chủ động được nguồn cung xăng dầu, hơn 70% vẫn phải nhập khẩu, do đó, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu ở Việt Nam phụ thuộc vào xăng dầu thế giới - vốn có mối quan hệ rất mật thiết với những biến động của kinh tế chính trị toàn cầu. Giá xăng trong nước cũng biến động liên tục theo diễn biến tình hình thế giới. Năm 2016 vừa qua, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đã gần 20 lần điều chỉnh giá bán xăng dầu, khiến cho hệ thống các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì ổn định nguồn cung và giá bán sản phẩm. Bên cạnh đó, chính sách mở cửa thông thương ngày càng nới lỏng, làm tăng sự cạnh tranh giữa các Doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề bán lẻ phức hợp.

CTCP Thương nghiệp Cà Mau những năm gần đây tập trung phát triển mảng bán lẻ phức hợp, nên Công ty luôn đặc biệt chú trọng về việc phòng ngừa rủi ro về giá cả nguyên liệu mua vào và bán ra. Cụ thể, Công ty xem xét kỹ lưỡng về việc kí kết các hợp đồng lâu dài khi mua hoặc tiêu thụ hàng hóa.

Đối với mảng kinh doanh xăng dầu (dầu, dầu nhờn) - mặt hàng chưa có sản phẩm thay thế tương xứng nên lượng sản phẩm tiêu thụ không thay đổi nhiều kể cả khi có biến động về giá.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM





CMV

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

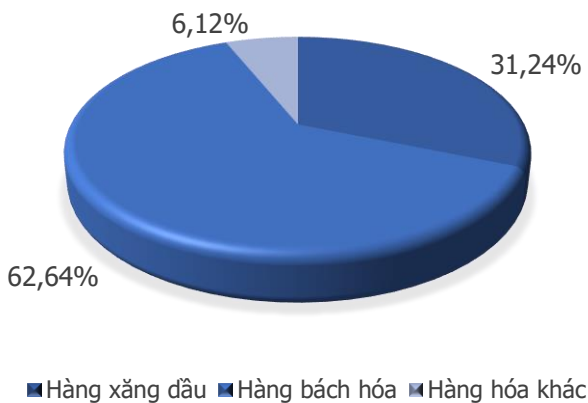
"Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn chia sẻ"

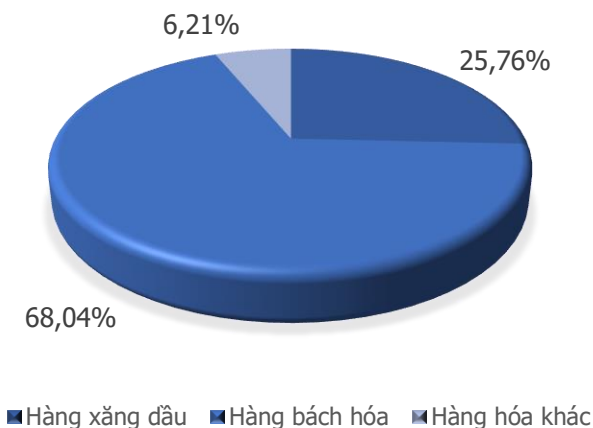
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		% Năm 2016/ Năm 2015
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Hàng xăng dầu	1.272.961	31,24%	1.037.209	25,76%	81,48%
Hàng bách hóa	2.552.058	62,64%	2.740.052	68,04%	107,37%
Hàng hóa khác	49.219	6,12%	249.951	6,21%	100,29%
Tổng cộng	4.074.238	100%	4.027.211	100%	98,85%

NĂM 2015



NĂM 2016



Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu đến từ thương mại hàng bách hóa chiếm lớn nhất, năm 2016 đạt 2.740 tỷ đồng tăng 7,37% so với năm 2015 đạt 2.552 tỷ đồng. Tỉnh Cà Mau với hơn 1,2 triệu dân, trong đó dân số nông thôn chiếm 75% nên nhu cầu tiêu dùng còn rất lớn, xuất khẩu hàng thủy hải sản tại tỉnh Cà Mau đứng đầu cả nước trong nhiều năm liền, là thế mạnh của tỉnh vừa tạo ra nguồn thu lớn cho tỉnh vừa tạo ra công ăn việc làm ổn định thu nhập cao cho người dân. Từ đó đã thúc đẩy nhu cầu mua sắm, trang bị của bà con nông ngư dân. Việc khôi phục lại phương thức kinh doanh truyền thống kết hợp 01 vụ lúa, 01 vụ tôm đã tạo nên thu nhập ổn định cho người dân, từ đó góp phần gia tăng sức cầu cho thị trường hàng tiêu dùng. Song song đó, hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư, nhiều dự án, công trình quy mô lớn, trọng điểm đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn – Đất Mũi, tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam, cầu Hòa Trung trên tuyến đường Cà Mau – Đầm Dơi, góp phần thay đổi diện mạo ở cả khu vực đô thị và nông thôn.

Sản lượng xăng dầu qua các năm

Đơn vị tính: m³

Khoản mục	2014	2015	2016	% 2016/2015
Xăng A95	4.913	5.656	5.212	92,15%
Xăng A92	31.729	30.410	31.548	103,74%
Xăng A83	2.726	-	-	-
Dầu DO	43.177	46.731	51.899	110,06%
Dầu KO	210	254	-	-
Tổng cộng	82.755	83.051	88.659	106,75%

Sự phát triển của cơ sở hạ tầng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh, góp phần thúc đẩy hoạt động giao thương là một yếu tố thuận lợi tạo điều kiện cho Công ty phát triển. Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai (25,76% trong năm 2016) trong cơ cấu doanh thu của Công ty là hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt 1.037 tỷ đồng, đạt 81,48% so với cùng kỳ năm 2015 do giá xăng dầu có mức giảm mạnh trong năm 2016 (bình quân giá xăng dầu cả năm 2016 đã giảm khoảng 22% so với năm 2015 và giảm khoảng 49% so với giá bình quân năm 2014), kim ngạch nhập khẩu xăng dầu năm 2016 cũng giảm so với cùng kỳ. Các hàng hóa khác vẫn giữ tỉ trọng tương đương và doanh thu vẫn duy trì so với năm trước.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban Điều hành của Công ty như sau:

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc
2	Ông Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : Ngày 01 tháng 12 năm 1956
- Nơi sinh : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 184 Ngô Quyền – K1 – P9 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế – Khoa Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
6/1975 - 8/1978	Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau.
8/1978 - 11/1982	Chuyển về Cửa hàng bách hoá tổng hợp thị xã Cà Mau làm Kế toán trưởng Cửa hàng.
11/1982	Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty.
28/11/2007 - Nay	Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT CTCP In Bạc Liêu
 - Ủy viên HĐQT CTCP Cà Phê PETEC
- Số cổ phần nắm giữ: 390.653 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 602.027 cổ phần

Trong đó:

- Chồng: Nguyễn Văn Hậu: 374.465 cổ phần
- Em ruột: Nguyễn Việt Hùng: 115.822 cổ phần
- Em ruột: Nguyễn Thị Việt Ngọc: 103.824 cổ phần
- Em ruột: Nguyễn Việt Phượng: 7.916 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
-



Ông Thái Trường An - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: Ngày 12 tháng 10 năm 1970
- Nơi sinh: Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 89 Đổ Thừa Tự – Phường 1 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
09/1992 - 10/1994	Kế toán Công ty Liên doanh Euro Gành Hào
11/1994 - 03/1997	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
04/1997 - 01/2007	Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 - 11/2007	Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
28/11/2007 - Nay	Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau

- Số cổ phần nắm giữ: 141.579 cổ phần
 - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 4.717 cổ phần
- Trong đó:
- Vợ: Đặng Cẩm Lệ : 4.692 cổ phần
 - Em ruột: Thái Thị Thùy Trang : 2 cổ phần
 - Em ruột: Thái Bảo Ninh : 23 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc – Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: Ngày 19 tháng 05 năm 1971
- Nơi sinh: Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Địa chỉ thường trú: Số 90A/58 Âu Dương Lân, P3, Q8, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thương mại
- Quá trình công tác:



Thời gian	Vị trí
6/1994 - 3/1998	Nhân viên Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
4/1998 - 11/2002	Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
12/2002 - 11/2004	Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
12/2004 - 6/2008	Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
7/2008 - 12/2009	Trưởng Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.
01/2010 - Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

- Số cổ phần nắm giữ: 103.824 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 627.837 cổ phần

Trong đó:

- Chị ruột: Nguyễn Thị Việt Ánh: 390.653 cổ phần
 - Anh ruột: Nguyễn Việt Hùng: 115.822 cổ phần
 - Chị ruột: Nguyễn Việt Phượng: 7.916 cổ phần
 - Chồng: Phan Tiến Dũng: 113.446 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Phù Chí Anh – Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: Ngày 23 tháng 8 năm 1974
- Nơi sinh: TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Hoa
- Quê quán: Tỉnh Ninh Thuận
- Địa chỉ thường trú: Số 165/16 Rạch Chùa – Phường 4 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
02/1998 - 12/2001	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2002 - 01/2007	Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
02/2007 - 11/2007	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
12/2007 - 12/2012	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
02/01/2013 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau, kiêm kế toán trưởng từ ngày 07/09/2016.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Ủy viên HĐQT CTCP In Bạc Liêu.
- Số cổ phần nắm giữ: 92.269 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 6.502 cổ phần
- Trong đó: Vợ: Quách Duy Tâm: 6.502 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không



Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Tấn Vạn	Kế toán trưởng - Người CBTT	02/01/2013	06/09/2016
2	Phù Chí Anh	Kế toán trưởng - Người CBTT	06/09/2016	-



Tình hình lao động năm 2016

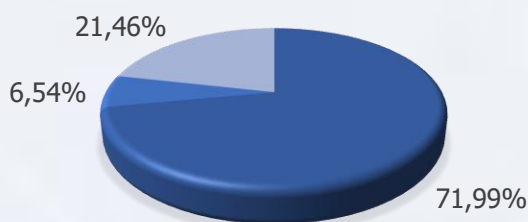
Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Tổng số lao động năm 2016 (đến ngày 31/12/2016)

Trong đó:

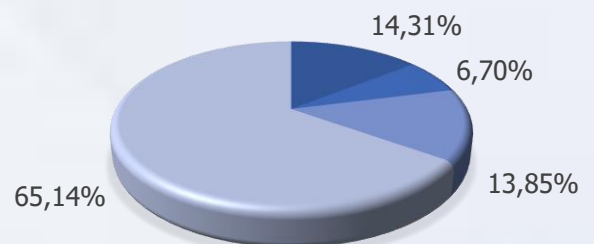
STT	Tính chất phân loại	Năm 2016	Tỷ trọng (%)
A	Phân theo trình độ học vấn	657	100,00%
1	Đại học	94	14,31%
2	Cao đẳng	44	6,70%
3	Trung cấp	91	13,85%
4	Công nhân kỹ thuật	428	65,14%
B	Phân theo thời hạn hợp đồng	657	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	473	71,99%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	43	6,54%
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	141	21,46%
C	Phân theo giới tính	657	100,00%
1	Nam	526	80,06%
2	Nữ	131	19,94%

THEO THỜI HẠN HỢP ĐỒNG



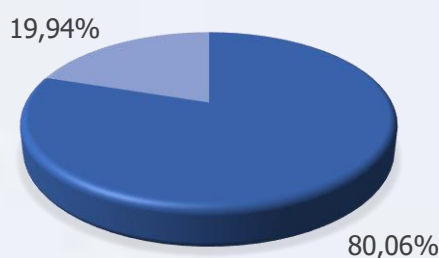
- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

THEO TRÌNH ĐỘ



- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật

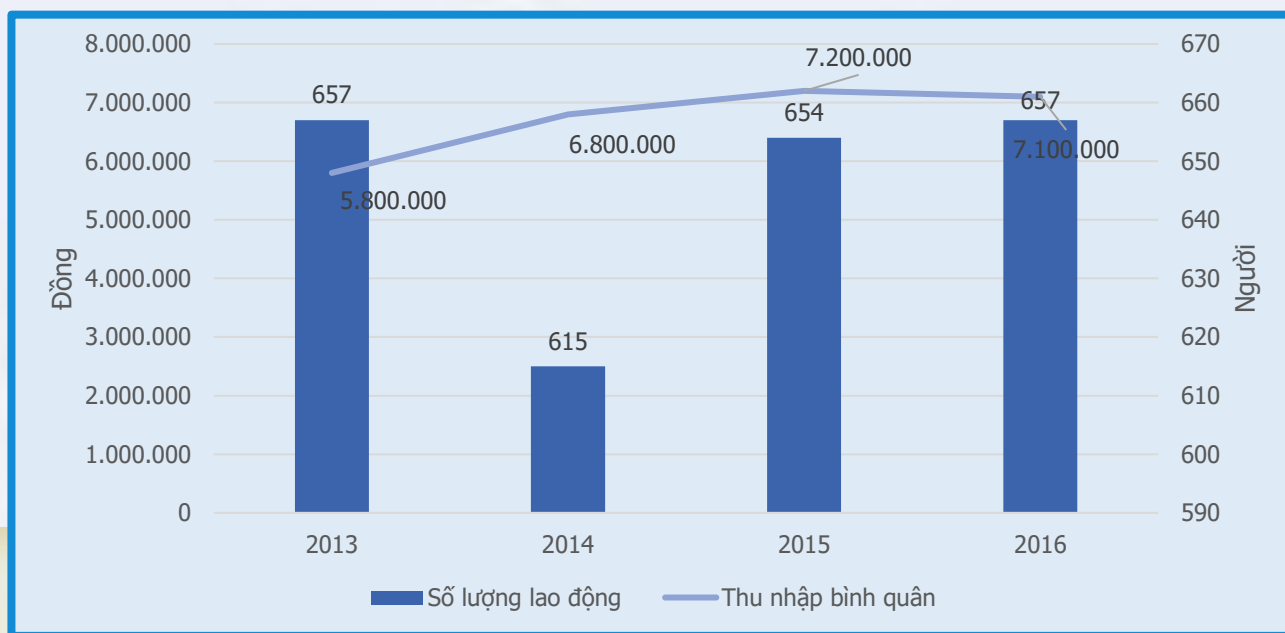
THEO GIỚI TÍNH



- Nam
- Nữ

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

STT	Năm	Số lượng lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2013	657	5.800.000
2	2014	615	6.800.000
3	2015	654	7.200.000
4	2016	657	7.100.000



Chính sách nhân sự

Với chủ trương nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty.

Trong năm 2016, Công ty tạo điều kiện cho nhiều cán bộ công nhân viên tập huấn nghiệp vụ. Chi trả tiền lương, tiền thưởng, ngày Lễ, Tết cho CB - CNV, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện theo đúng quy định. Đời sống người lao động được cải thiện, an tâm công tác.

Công tác đào tạo

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân (nếu có) để phục vụ đa phần cho mảng kinh doanh bán hàng của Công ty. Với những chính sách như trên, Công ty đã tạo được sự gắn kết lâu dài với các CBCNV, trong những năm qua hầu như không có sự biến động lớn nào về nhân sự của Công ty.

Training

A decorative graphic on the right side of the page features several interlocking gears of different sizes, rendered in white and dark blue. A large, light blue gear is the most prominent, with smaller gears meshing with it. A dotted line of small blue circles curves upwards from the bottom left towards the center of the gear assembly.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Xây dựng Tổng kho, Văn phòng làm việc Trà Kha ở khu công nghiệp Trà Kha

Địa điểm: Khu Công nghiệp Trà Kha - ngang Nhà máy Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

- Vốn đầu tư: 7 tỷ 600 triệu đồng
- Diện tích: 10.000 m²
- Thực hiện giai đoạn I:
 - San lấp mặt bằng: 650 triệu đồng
 - Hàng rào: 750 triệu đồng
- Xây dựng Tổng kho Trà Kha diện tích: 3.000 m²
- Dự toán giá trị đầu tư: 6 tỷ 200 triệu đồng

Xây dựng kho bách hóa ở Cửa hàng Xăng dầu Hưng Mỹ

- Vốn đầu tư: 650 triệu đồng
- Diện tích: 400 m²
- Dự toán giá trị đầu tư: 650 triệu đồng

Xây dựng Tổng kho bách hóa Năm Căn

- Vốn đầu tư: 3 tỷ 800 triệu đồng
- Diện tích: 12.250 m²
- Thực hiện giai đoạn I: 10.895 m²
 - San lấp mặt bằng: 600 triệu đồng
- Xây dựng Tổng kho Bách hóa Năm Căn: 2.000 m²
 - Dự toán giá trị đầu tư: 3 tỷ 200 triệu đồng



Dự án xây dựng Cửa hàng xăng dầu Sông Đốc và Tổng kho chứa dầu DO

Dự án có diện tích 500 m² với số vốn đầu tư là 5 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư dự án là vốn vay.

Đầu tư mở rộng kho Ngã Năm - Tỉnh Sóc Trăng

- Giá trị đầu tư 2 tỷ 700 triệu đồng.
- Mục đích để thay thế cho các vị trí kho đã thuê trước đây với giá thuê cao làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Diện tích: 2500 m²
 - San lấp mặt bằng: 350 triệu
- Xây dựng kho Ngã Năm: 1.500 m²
 - Dự toán giá trị đầu tư: 2 tỷ 400 triệu đồng

Đầu tư mở rộng kho Trung tâm PPHTD Cà Mau – Bạc Liêu

- Mục đích nhằm sắp xếp lại hệ thống kho bãi về một địa điểm để tiết giảm chi phí vận chuyển và thuận lợi trong công tác điều hành quản lý
- Vốn đầu tư: 2 tỷ 100 triệu đồng
- Diện tích: 1.300 m²
- Giá trị đầu tư: 2 tỷ 100 triệu đồng

Đầu tư phương tiện: 2 tỷ 870 triệu đồng.

Để chủ động trong khâu nhận hàng từ Đồng Nai, Bình Dương về TP.HCM và giảm phí hợp phí, cần thiết phải đầu tư xe 16 tấn. Đồng thời, hiện nay lộ nông thôn về vùng sâu vùng xa xe chỉ đi được tối đa 700kg và 7 tấn xe bồn xăng dầu, nên cũng cần có các xe nhỏ linh hoạt trong giao nhận hàng bách hóa cũng như xăng dầu.

- Đầu tư 01 xe tải Hino 16 tấn: 1 tỷ 650 triệu đồng
- Đầu tư 01 xe tải bồn Hino 7,5 tấn: 710 triệu đồng
- Đầu tư 03 xe tải Thaco 0,65 tấn: 510 triệu đồng

Dự án xây dựng Tổng kho Trà Kha

5.000 m² trong Khu công nghiệp Bạc Liêu với dự toán 5 tỷ đồng.

Hằng năm cố gắng mở từ 1 - 2 chi nhánh ở các khu vực có thị trường tiêu thụ giàu tiềm năng.

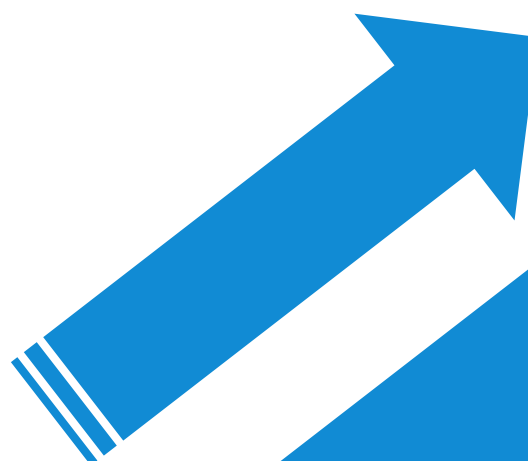
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% 2016/2015
1	Tổng giá trị tài sản	620.802	691.932	111,46%
2	Doanh thu thuần	4.073.560	4.026.234	98,84%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.369	(26.139)	-
4	Lợi nhuận khác	38.885	61.305	157,66%
5	Lợi nhuận trước thuế	41.254	35.167	85,24%
6	Lợi nhuận sau thuế	31.440	27.004	85,89%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	57,75%	67,23%	-
8	Tỷ lệ cổ tức (%)	15,00%	15,00%	-
9	Cổ tức	18.156	18.156	100%

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn duy trì tốt so với năm 2015. Doanh thu thuần năm 2016 đạt 4.026 tỷ đồng. Do giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu thuần nên biên lợi nhuận gộp không cao. Năm vừa qua, các chi phí bán hàng tăng cao phần nào ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 27 tỷ đồng đạt 85,89% so với cùng kỳ năm 2015. Với sự cạnh tranh khốc liệt của các cây xăng tư nhân mở trên địa bàn, các đối thủ nỗ lực không ngừng lớn mạnh tranh giành thị phần ở hoạt động kinh doanh bách hóa, sự cạnh tranh mạnh của các đối thủ lớn như Điện Máy Nguyễn Kim, Điện Máy Chợ Lớn, Điện Máy Xanh... đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy mức lợi nhuận sụt giảm nhưng Công ty vẫn duy trì mức cổ tức là 15% đã cam kết theo đúng với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đề ra.





Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,15	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	0,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,79	75,07
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	267,47	301,06
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,84	10,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	6,71	6,13
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	11,77	14,90
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	34,35	31,77
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,77	0,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,28	15,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,18	4,11
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,06	-



Nhìn chung, hệ số thanh toán của Công ty đều lớn hơn 1 qua các năm chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty luôn bảo đảm đối với các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh thấp so với hệ số thanh toán ngắn hạn, khoảng chênh lệch lớn này là do lượng hàng tồn kho lớn. Nhưng hàng tồn kho chủ yếu là xăng dầu và các mặt hàng tiêu dùng, nhu yếu phẩm được tồn kho với mục đích dự trữ, có thể bán ra nhanh chóng.

Cơ cấu vốn vẫn duy trì ổn định theo chính sách của Công ty qua các năm theo đặc thù ngành mà Công ty đang theo đuổi. Một điểm đáng lưu ý, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng hơn 50% trong tổng tài sản, trong khi chỉ số Nợ phải trả người bán/ Hàng tồn kho là 37% từ đó có thể thấy rằng một phần đáng kể hàng tồn kho của Công ty được tài trợ bởi tín dụng của các nhà cung cấp.

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2016 cho thấy Công ty duy trì một lượng vừa đủ hàng tồn kho nhằm mục đích đủ lượng hàng hóa để bán, vừa không để tồn kho quá lâu, dồn ứ dẫn đến chất lượng sản phẩm bị ảnh hưởng. Với số ngày lưu kho bình quân khoảng 30 ngày, Công ty đánh giá việc duy trì lượng hàng đảm bảo cho hoạt động kinh doanh vẫn trong sự kiểm soát và đúng với chính sách. Vòng quay khoản phải trả khá thấp cho thấy sự tín nhiệm cao của nhà cung cấp với Công ty trong các giao dịch. Trong khi đó, vòng quay khoản phải thu của Công ty luôn khá cao so với vòng quay khoản phải trả, điều này cho thấy chính sách thu hồi công nợ của Công ty được đảm bảo, kỳ thu tiền khách hàng chỉ khoảng 10 ngày, trong khi số ngày phải trả từ 24 ngày - 30 ngày. Dòng tiền vào của Công ty được duy trì liên tục và đảm bảo thanh khoản cho các khoản phải trả.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời vẫn thể hiện khá khi các chỉ tiêu ROE và ROA năm 2016 là 15,82% và 4,11%. Các chỉ số này thể hiện mức hấp dẫn của cổ phiếu CMV so với kênh đầu tư như tiền gửi ngân hàng. Lãnh đạo Công ty vẫn luôn thực hiện việc duy trì tỉ lệ cổ tức hằng năm với cổ đông.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.103.912 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.103.912 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

Không có.



Cơ cấu cổ đông năm (đến ngày 22/11/2016)

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	564	12.080.270	99,80%
1	Nhà nước	2	7.369.449	60,88%
2	Tổ chức	16	770.607	6,37%
3	Cá nhân	546	3.940.214	32,55%
II	Cổ đông nước ngoài	4	23.642	0,20%
1	Tổ chức	3	5.452	0,05%
2	Cá nhân	1	18.190	0,15%
Tổng cộng		568	12.103.912	100%





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Hoạt động đoàn thể

Ban Tổng giám đốc luôn phối hợp và tạo điều kiện cho Đảng uỷ, BCH Công đoàn, BCH Đoàn Thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Năm 2016, Đảng bộ Công ty được công nhận "**Đảng bộ vững mạnh**", **Công đoàn cơ sở và Đoàn Thanh niên đạt "vững mạnh"**. Một số hoạt động điển hình trong năm qua:

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, kết hợp cùng Công đoàn cơ sở Công ty tổ chức thành công Hội nghị người lao động vào ngày 21/5/2016
- Ban Tổng giám đốc Công ty tiếp tục điều chỉnh chính sách tiền lương, thưởng cho phù hợp với điều kiện đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà nước quy định và theo nguyên tắc làm việc gì, chức vụ gì hưởng lương theo công việc, chức vụ đó gắn với năng suất chất lượng hiệu quả công việc.
- Tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Hội thao mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3; họp mặt chị em phụ nữ nhân ngày 08/3, 20/10; khen thưởng, tặng quà cho con người lao động đạt thành tích học khá, giỏi, tổ chức họp mặt tặng quà các em thiếu nhi nhân dịp Tết Trung thu... Tổng chi phí là **184.931.061** đồng.
- Trong năm qua, Ban tổng giám đốc cùng với Công đoàn cơ sở Công ty tổ chức 03 đợt đi du lịch (*Hà Nội – Hạ Long – Ninh Bình – Sapa*) cho trên 350 lãnh đạo, người lao động có thâm niên công tác trên 01 năm và được xếp loại A năm 2015. Bên cạnh đó, một số cán bộ chủ chốt, nhân viên ưu tú được Ban lãnh đạo Công ty giải quyết cho đi du lịch, hội nghị ở nước ngoài như: *Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Du Bai, Châu Âu, Úc, Mỹ...*
- Các chính sách của Nhà nước quy định đối với người lao động đều thực hiện đúng và đầy đủ như: Ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thay sản, ốm đau, khám sức khoẻ định kỳ kịp thời; ... Nghiêm túc thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trong năm 2016 tổng số tiền là **10.897.784.703** đồng, cụ thể:

+ BHXH:	8.712.608.530 đồng
+ BHYT:	1.517.764.433 đồng
+ BHTN:	667.411.740 đồng.

An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội là một trong những mặt công tác được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các tổ chức đoàn thể thực hiện thường xuyên và liên tục nhằm trợ giúp cho các đối tượng chính sách xã hội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các em học sinh nghèo hiếu học, Năm 2016 bằng nhiều hình thức và các hoạt động thực tế Công ty đã ủng hộ số tiền trên **299.303.852** đồng.

3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





CMV

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh**

Tình hình tài chính

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách, quản lý**

Kế hoạch phát triển trong tương lai

“Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn chia sẻ”

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh tại Công ty

Tổng đại lý bán buôn và bán lẻ xăng dầu

- Chiếm phần lớn trong cơ cấu doanh thu, kinh doanh xăng dầu là loại hình kinh doanh chính của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau. Là một tổng đại lý, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau thực hiện nhập xăng dầu từ 02 doanh nghiệp đầu mối (các Công ty có chức năng nhập khẩu xăng dầu): Công ty Thương mại - Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC) và Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), tiến hành phân phối sỉ và lẻ thông qua hệ thống đại lý và các cửa hàng bán lẻ xăng dầu của mình cũng như của một số doanh nghiệp khác trên toàn tỉnh Cà Mau.
- Là tỉnh cực nam, Cà Mau có tiềm năng phát triển thủy sản lớn, giao thông đường thủy phát triển mạnh, từ thành phố Cà Mau có thể đi tới tất cả Trung tâm các huyện lỵ, xã, thị trấn, các cụm dân cư bằng đường thủy. Hiểu được đặc điểm đó, Công ty đã chú trọng, đẩy mạnh việc bán buôn xăng dầu phục vụ cho các ghe tàu trong việc đánh bắt thủy hải sản thông qua các hợp đồng với các đại lý chuyên cung cấp loại dịch vụ này.
- Chiến lược này đã giúp Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trở thành đơn vị đứng đầu về mặt thị phần trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh, mặc dù Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau không có nhiều lợi thế cạnh tranh trong mảng bán lẻ do vị trí các cây xăng không thuận lợi bằng một vài doanh nghiệp khác.

Về hoạt động bán buôn xăng dầu

Với lợi thế là một Công ty hoạt động lâu năm trên địa bàn tỉnh, đồng thời xuất phát từ một doanh nghiệp Nhà nước được tỉnh chú trọng đầu tư phát triển, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã kí kết các hợp đồng thường xuyên cung cấp xăng dầu, đặc biệt là dầu DO, cho một số đại lý phục vụ cho các ghe tàu đánh bắt thủy sản.

Về hoạt động bán lẻ xăng dầu

Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ xăng dầu với 14 cửa hàng, chủ yếu tập trung tại thành phố Cà Mau, đặc biệt, có 3 cửa hàng nằm ngay trên đường quốc lộ 1A, là cửa ngõ đi vào thành phố, còn lại ở các huyện, xã như Năm Căn, Ngọc Hiển, Cái Nước và Đầm Dơi. Mỗi cửa hàng có sức chứa trung bình là 60.000 - 70.000 lít, trong đó, cửa hàng xăng dầu phường 1 với sức chứa 100.000 lít.

Kinh doanh cửa hàng bách hóa

- Lĩnh vực kinh doanh bách hóa có thể coi là hoạt động kinh doanh truyền thống và chiếm tỷ trọng trên 50% trong cơ cấu doanh thu những năm gần đây của Công ty, xuất phát từ lịch sử hình thành là một Công ty Bách Hóa tổng hợp của tỉnh.
- Công ty đã xây dựng một hệ thống các cửa hàng bách hóa tự chọn khắp tỉnh Cà Mau và một số tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang... Sản phẩm của các cửa hàng này khá đa dạng, bao gồm hàng tiêu dùng, thực phẩm.
- Với tiêu chí đem lại sự tiện dụng cho người tiêu dùng, các cửa hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm của Công ty được xây dựng theo kiểu là các cửa hàng nhỏ với diện tích khoảng 80 m² nhưng tiện dụng, phong phú về chủng loại mặt hàng, người tiêu dùng được tự do chọn lựa sản phẩm trong cửa hàng.
- Công ty cũng đã tận dụng vị trí của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu để đặt các cửa hàng bách hóa cạnh đó. Tuy nhiên, để phù hợp với thị trường tỉnh Cà Mau, các sản phẩm của cửa hàng được bán với giá cả không cao hơn so với bên ngoài.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đã xây dựng 1 vài cửa hàng bách hóa với diện tích 300 m² và 120 m² theo mô hình các siêu thị mini.

Kinh doanh các ngành nghề khác

- Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh một số mặt hàng khác như hàng kim khí điện máy, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, sách giáo khoa, trang thiết bị điện tử tin học, máy văn phòng, chiết nạp gas.
- Những lĩnh vực kinh doanh này tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu, nhưng đã giúp Công ty quảng bá thương hiệu Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau rộng rãi hơn trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.

Cung cấp dịch vụ

Cung cấp một số dịch vụ liên quan đến vận tải xăng dầu, bao gồm hoạt động thuê xà lan chở dầu cho một số đơn vị trong tỉnh, vận chuyển hàng hóa đến kho mua. Doanh thu từ các khoản dịch vụ này không đáng kể.

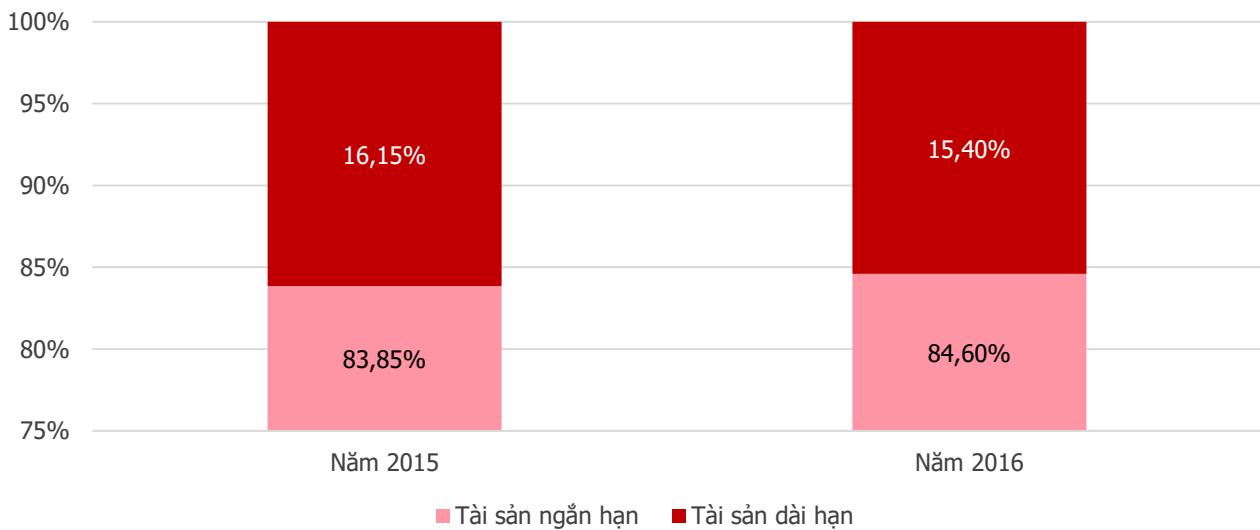
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Tài sản ngắn hạn	520.558	585.340	112,44%	83,85%	84,60%
Tài sản dài hạn	100.244	106.591	106,33%	16,15%	15,40%
Tổng tài sản	620.802	691.932	111,46%	100%	100%

Tình hình tài sản



Nhìn chung, tình hình tài sản có sự thay đổi không nhiều so với năm 2015. Tổng tài sản năm 2016 đạt 691,9 tỷ đồng tăng 11,46% so với cùng kỳ năm 2015. Về tỷ trọng, tài sản ngắn hạn luôn chiếm hơn 80% cơ cấu tài sản của Công ty.

Hàng tồn kho chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn. Năm 2016, hàng tồn kho đạt giá trị hơn 380 tỷ đồng, tăng 10,38% so với năm trước. Khoản hàng tồn kho đã được làm tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MS trị giá 60.000.000.000 đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn trong đó khoản phải thu khách hàng đạt hơn 138,9 tỷ đồng là các khoản phát sinh trong giao dịch mà Công ty đã ký hợp đồng và áp dụng chính sách trả sau đối với các đối tác tin cậy của Công ty.

Tài sản dài hạn tăng nhẹ (6,33%) so với năm 2015 và đạt giá trị 106,6 tỷ đồng. Tài sản dài hạn chủ yếu là các tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty. Chi tiết như sau:

ĐVT: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	73.014.707.468	40.347.630.570	55,26%
Máy móc thiết bị	32.184.143.257	6.987.321.736	21,71%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	29.476.385.334	12.058.472.841	40,91%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.055.101.842	392.802.761	37,23%
TSCĐ khác	539.640.734	-	0,00%
Cộng	136.269.978.635	59.786.227.908	43,87%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	36.299.745.183	35.843.601.461	98,74%
Phần mềm máy vi tính	849.221.480	-	-
Cộng	173.958.586.032	95.629.829.369	54,97%

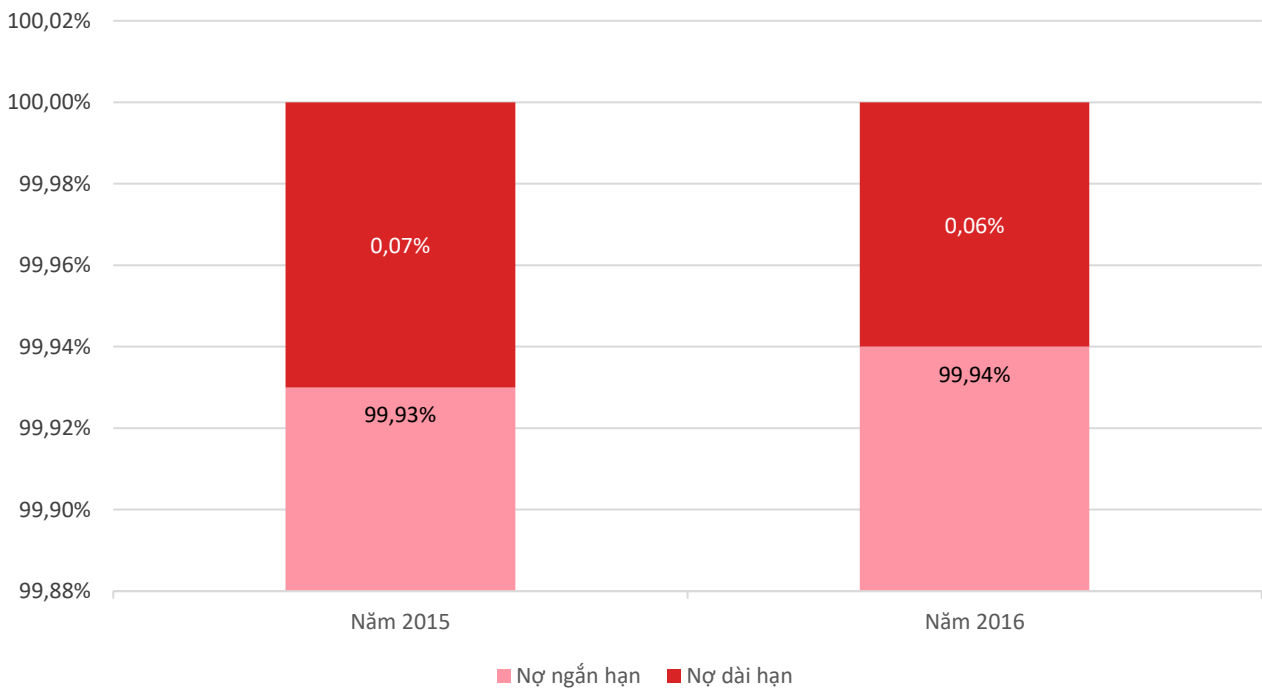


Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Nợ ngắn hạn	451.546	519.090	114,96%	99,93%	99,94%
Nợ dài hạn	315	315	100,00%	0,07%	0,06%
Tổng nợ phải trả	451.861	519.405	114,95%	100%	100%

Tình hình nợ phải trả



Tổng nợ phải trả tăng 14,95% so với nợ phải trả của năm 2016. Nợ ngắn hạn chiếm hơn 99% trong cơ cấu nợ của Công ty nên những biến động của nợ ngắn hạn quyết định sự thay đổi cơ cấu nợ. Do hoạt động của Công ty cần nguồn vốn lớn để chi trả cho các mặt hàng có giá vốn đầu vào cao nên cần nguồn vốn lưu động lớn đảm bảo thanh khoản, chi cho các hoạt động thường xuyên. Do đó, Công ty dùng các khoản vay ngân hàng để tài trợ cho các hoạt động này. Các khoản vay với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể với hình thức vay tín chấp hoặc bằng tài sản đảm bảo là hàng tồn kho, khoản phải thu,... của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Sản xuất kinh doanh

Giữa năm 2016 dù nhân sự cấp cao tiếp tục biến động song song với sự dịch chuyển nhân sự ở các bộ phận chuyên môn sang môi trường mới ít áp lực, lương cao hơn dẫn đến mất cân đối nhân sự trầm trọng (đào tạo và thu mới không kịp bổ sung nhất là đội ngũ có chuyên môn, kinh nghiệm thị trường tốt). Nhưng với sự kiên định của tập thể, sự kiên trì ở một số lãnh đạo Công ty với công tác điều hành trên cơ sở điều lệ quy định và quy chế Công ty, luôn tuân thủ pháp luật Nhà nước với các phương thức kinh doanh linh hoạt, luôn thích ứng với thị trường nên hoạt động kinh doanh trong năm 2016 vẫn tiếp tục ổn định và có hiệu quả.

Vấn xác định công tác tài chính luôn sạch trên tinh thần tiết kiệm, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ nhà nước, chuẩn mực kế toán Việt Nam, hạch toán số liệu trung thực, đầy đủ, rõ ràng chính xác đúng thời gian.

Thực hiện đầu tư, sửa chữa năm 2016

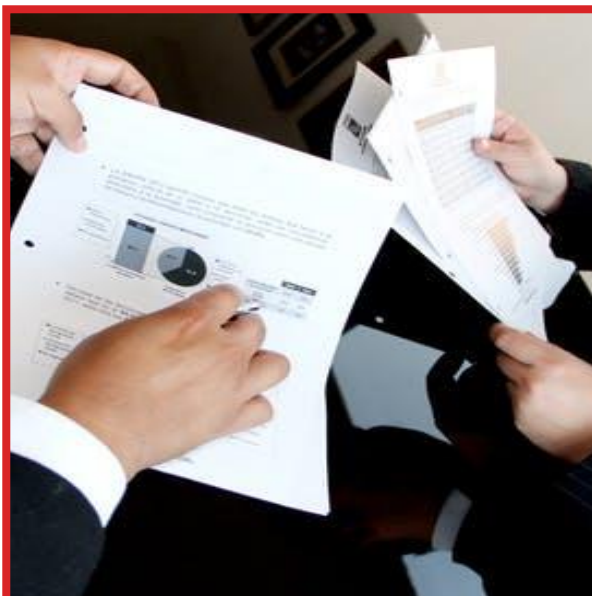
Dự toán đầu tư năm 2016 với tổng số 19,720 tỷ đồng nhưng chỉ thực hiện 8.026.782.040 đồng vì còn 03 công trình chuyển sang năm 2017 thi công.

- Tổng kho, văn phòng làm việc ở Trà Kha diện tích 10.000 m²
- Tổng kho Ngã Năm diện tích 2.500 m².
- Tổng kho ở Ấp Chống Mỹ, Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn diện tích 12.250 m²



Các công trình đã đưa vào sử dụng và tăng TSCĐ trong năm 2016: 8.026.782.040 đồng.

- Kho bách hóa Tắc Thủ:
 - *Diện tích: 500 m²*
 - *Giá trị quyết toán: 747.754.733 đồng*
- Kho bách hóa Hưng Mỹ:
 - *Diện tích: 400 m²*
 - *Giá trị quyết toán: 668.378.290 đồng*
- Kho Bách hóa An Minh:
 - *Diện tích: 600 m²*
 - *Giá trị quyết toán: 1.003.027.741 đồng*
- Kho Trung tâm Phân phối HTD Cà Mau-Bạc Liêu:
 - *Diện tích: 1.300 m²*
 - *Giá trị quyết toán: 1.997.194.001 đồng*
- Đầu tư mua xe: 3.292.381.820 đồng
 - *01 xe tải Hino 15,6 tấn: 1.500.181.819 đồng*
 - *01 xe tải Hino 7,4 tấn: 643.109.091 đồng*
 - *02 xe tải Thaco 2,4 tấn: 688.181.818 đồng*
 - *03 xe tải Thaco 0,65 tấn: 460.909.692 đồng*
- Nâng cấp và mua 05 máy chủ: 318.045.655 đồng



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017

ĐVT: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ % 2017/2016
Tổng Doanh thu	4.027	3.800	94,36%
Lợi nhuận sau thuế	27	20	74,07%
Tỷ lệ chia cổ tức	15%	12%	80,00%



4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Visio



CMV

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về
các mặt hoạt động của Công ty**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của
Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

"Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn chia sẻ"

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2016 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau toàn diện từ kinh doanh đến tổ chức. Thị trường thế giới xăng dầu diễn biến khôn lường, trong nước Chính phủ điều hành tăng giảm giá 24 lần, có 02 lần giảm giá sâu vào ngày 18/02 và 04/08/2016. Bách hóa đang ở giai đoạn bảo hòa, điện máy vẫn cạnh tranh khốc liệt với sự phát triển nhanh của Điện máy Xanh (ở tỉnh Cà Mau 05 cửa hàng), tạo cục diện kinh doanh càng trở nên phức tạp và cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn. Cùng với sự biến động mạnh nhân sự từ lao động giản đơn đến cán bộ lãnh đạo càng thêm áp lực và tâm lý không an tâm, dao động của người lao động Công ty, nhưng Công ty đã cố gắng tìm mọi biện pháp ổn định tổ chức, giữ vững thị trường nên đã duy trì và hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra ngày 21/05/2016.

Vấn xác định bán buôn, bán sỉ, sỉ lẻ bách hóa, xăng dầu luôn là thế mạnh trong hệ thống phân phối của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau với phương châm “Luôn đồng hành và luôn chia sẻ” với sự phục vụ hậu mãi khách hàng ngày càng tận tâm và chuyên nghiệp. Sắp xếp lại hệ thống kho hàng ở mỗi vị trí cửa hàng hợp lý, bổ sung kịp thời các phương tiện xe, ghe theo đúng tải trọng, đúng quy định của Cục Đường bộ, Đường thủy và giảm chi phí hợp lý nhất.

Chính sách và cơ chế kinh doanh của một số đối tác thay đổi cùng với chất lượng sản phẩm không đạt, không đáp ứng theo thị hiếu của người tiêu dùng, không cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại dẫn đến tồn kho cao, sản lượng, doanh thu sụt giảm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh năm 2016 và kéo dài sang 2017.

Chính sách tiết kiệm chi tiêu của Chính phủ và nông thủy sản mất mùa đã ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty đối với các mặt hàng như: Bia, thuốc lá, v.v..

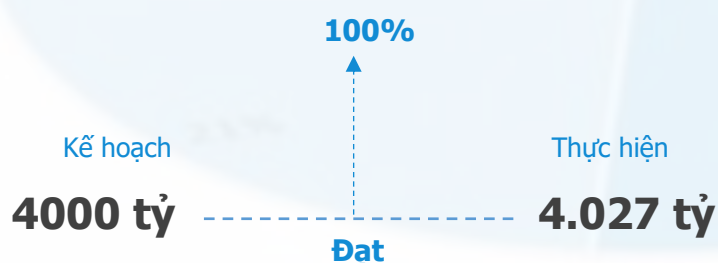
Chính sách đất đai làm tăng thêm tiền thuê đất, tăng chi phí trong an toàn PCCC, vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường, điện nước, bốc xếp...

Xử lý lãi chậm nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau theo văn bản số 2791/BTC - TCDN ngày 03/03/2017 của Cục Tài chính doanh nghiệp – Bộ Tài chính số tiền 4.175.239.987 đồng.

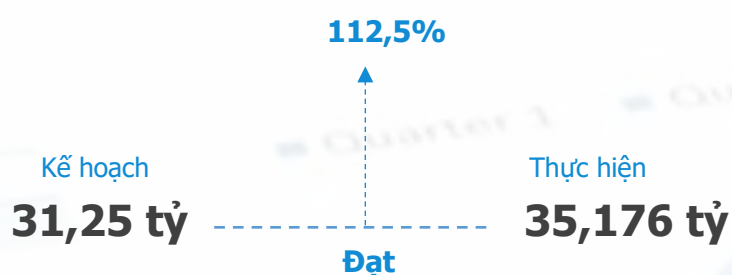
Theo công văn số 2655/ĐTKDV - TCKT ngày 18/11/2016 của SCIC (Phụ lục 2 – Bảng tính lãi chậm nộp về Quỹ năm 2008 của Công ty). Bộ Tài chính thấy rằng “Trong thời gian Công ty chậm nộp các khoản phải nộp về Quỹ (năm 2008) Công ty kinh doanh có lãi và khoản lợi nhuận sau thuế (27,8 tỷ đồng) lớn hơn số lãi chậm nộp (4,17 tỷ đồng) mà Công ty phải trả Quỹ. Do đó Công ty không thuộc diện xem xét miễn lãi chậm nộp”.

Mặc dù khó khăn nhưng với tinh thần đoàn kết, chỉ đạo kiên quyết, quản lý chặt chẽ đúng nguyên tắc, năm 2016 vẫn tiếp tục hoàn thành và vượt kế hoạch:

Doanh Thu



Lợi nhuận trước thuế



Lợi nhuận sau thuế



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm, Hội đồng quản trị theo sát hoạt động của Ban điều hành Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thuận lợi. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo thực hiện đầy đủ công tác điều hành Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đề ra chiến lược kinh doanh và các giải pháp thực hiện kịp thời, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- Giám sát, chỉ đạo công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty mẹ và các Công ty con.
- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 21/05/2016.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đơn thuần là mua bán hàng nội địa, làm nhà phân phối bán buôn, bán lẻ cho các đầu mối nhập khẩu xăng dầu và các nhà phân phối, nhà sản xuất có thương hiệu trong lĩnh vực bách hóa và điện máy. Với xu thế ngày càng chuyên nghiệp và hiện đại thì hiện nay trong hệ thống phân phối của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ngày càng khẳng định và dần hoàn thiện (nhưng chưa đồng bộ vì còn vướng hệ thống kho tàng chưa đáp ứng theo điều kiện rộng rãi để có thể sử dụng xe nâng v.v...). Với điều kiện cơ sở vật chất và năng lực tổ chức như hiện nay, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cố gắng duy trì và giữ vững ổn định mới có thể tiếp tục tồn tại và phát triển bền vững trong sự đoàn kết và nỗ lực của cả tập thể lãnh đạo và người lao động.

Quan điểm chỉ đạo

- Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết cao trong giai đoạn khủng hoảng nhân sự, cạnh tranh khốc liệt nhất, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở doanh nghiệp.
- Luôn nêu cao vai trò tiên phong tiêu biểu trong quản lý và điều hành của người lãnh đạo, luôn rèn luyện đạo đức trong kinh doanh, luôn xác định tài chính minh bạch, trung thực, chính xác. Thực hiện đúng nguyên tắc đúng chế độ quy định của Nhà nước và Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
- Năm 2017 tiếp tục kiện toàn và chấn chỉnh khâu nhân sự. Tiết kiệm tối đa để gia tăng lợi nhuận nhằm tăng quỹ lương và tăng thu nhập hợp lý cho người lao động, tạo sự an tâm và ổn định trong công tác.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống kho bãi cửa hàng trên cơ sở vật chất hiện có. Hoàn thiện và nâng cấp các cửa hàng xăng dầu và bách hóa ngày càng khang trang và luôn đẹp.
- Tình hình cạnh tranh xăng dầu càng ngày diễn biến phức tạp và khốc liệt, mọi biện pháp, các chính sách khuyến mãi hấp dẫn để tăng trưởng thị phần sỉ và lẻ.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

- Doanh thu : 3.800 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 20 tỷ đồng
- Cổ tức : 12%



Kế hoạch đầu tư năm 2017 với tổng dự toán: 21 tỷ 927 triệu đồng

Ba công trình năm 2016: 16 tỷ 900

Xây dựng tổng kho, văn phòng làm việc ở Trà Kha Khu Công nghiệp Trà Kha: 7,6 tỷ đồng

- Địa điểm: Khu Công nghiệp Trà Kha ngang Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu
- Diện tích: 10.000 m²
- Thực hiện: 3.000 m²
 - ✚ San lấp mặt bằng: 650 triệu đồng
 - ✚ Hàng rào : 750 triệu đồng
 - ✚ Dự toán giá trị: 6 tỷ 200 triệu đồng

Tổng kho bách hóa Năm Căn: 5 tỷ 450 triệu đồng

- Diện tích: 12.250 m²
- Thực hiện giai đoạn 1: 2.200 m² kho 2.000 m² đường bộ
 - ✚ San lấp mặt bằng: 600 triệu đồng
 - ✚ Dự toán tổng kho: 3 tỷ 960 triệu đồng
 - ✚ Dự toán đường nội bộ: 980 triệu đồng

Đầu tư mở rộng kho Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng với tổng trị giá: 3 tỷ 850 triệu đồng

- Diện tích: 2.500 m²
- Dự toán tổng kho 2.000 m²: 3 tỷ 600 triệu đồng
- Sân đường nội bộ 500 m²: 250 triệu đồng

Đầu tư mua đất – Chứng nhận QSDĐ dự án An Minh, mở rộng kho:

- Diện tích: 567,1 m²
- Giá trị: 1.077.490.000 đồng

Sửa chữa các tổng kho, cửa hàng xăng dầu: 2 tỷ đồng

Nâng nền đổ bê tông tổng kho Trung tâm PP HTD Cà Mau - Bạc Liêu

- Diện tích: 1.100 m²: 440 triệu đồng

Cửa hàng Xăng dầu Tân Tiến ở mé sông bị sụt lún, dời sâu vào đất liền hệ thống bồn

- Diện tích: 100 m² x 3 triệu = 300 triệu đồng

Nâng cấp cụm tổng kho CNTP Huyện và Cửa hàng XD Lương Thế Trân

- Diện tích: 1.000 m²: 250 triệu đồng

Sơn lại tất cả các xe bồn, ghe (06 xe xăng dầu + 15 ghe: 300 triệu đồng)

Sửa chữa khác: 710 triệu đồng

Năm 2017 sẽ có 04 chiếc xe hết thời gian sử dụng vì thế để ổn định và nhu cầu thay thế sẽ đầu tư: 1 tỷ 950 triệu đồng - Xe tải Hyundai HD500 tải trọng 5 tấn 03 xe X 650 tr = 1.950 triệu đồng.

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY





CMV

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

”Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn chia sẻ”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
2	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên
3	Bà Trần Ngọc Diệp	Thành viên
4	Ông Thái Trường An	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
5	Ông Dương Du Minh	Thành viên

Lý lịch của Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Xem Phần Ban điều hành

Ông Thái Trường An - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Xem Phần Ban điều hành



Ông Lê Xuân Trình - Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: Ngày 16 tháng 01 năm 1961
- Nơi sinh: Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 91/18A1 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư kinh tế, Kỹ sư địa Vật lý.
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 12/2006 – 06/2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
 - Từ tháng 07/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam(PVOIL) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho ngậm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) .
- Số cổ phần nắm giữ: 2.158 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.662.534 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên)
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



Bà Trần Ngọc Diệp - Thành viên HĐQT

- Sinh ngày: Ngày 12 tháng 12 năm 1969
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 28F Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại cơ quan: 08 - 39106990
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:
 - 1995 - 1996: Chuyên viên phòng Xuất Dầu Thô – Công ty Thương Mại Dầu Khí Petechim
 - Từ tháng 9/1996 – 2/2008: Chuyên viên phòng Kinh Doanh Sản Phẩm – Công ty Thương Mại Dầu Khí Petechim
 - Từ tháng 3/2008 – 6/2008: Phó phòng Kinh Doanh Sản Phẩm – Tổng Công ty Thương Mại Dầu Khí Petechim
 - Từ tháng 7/2008 – 5/2010: Phó Giám đốc Ban Kinh Doanh Sản Phẩm Dầu – Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL
 - Từ tháng 6/2010 – 9/2011: Phó Giám đốc Ban Kế Hoạch - Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL
 - Từ tháng 9/2011 - 10/2011: Ban công tác thành lập Công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Miền Nam
 - Từ tháng 10/2011 – 8/2012: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Miền Nam
 - Từ tháng 8/2012 – nay: Phó ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.273.490 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

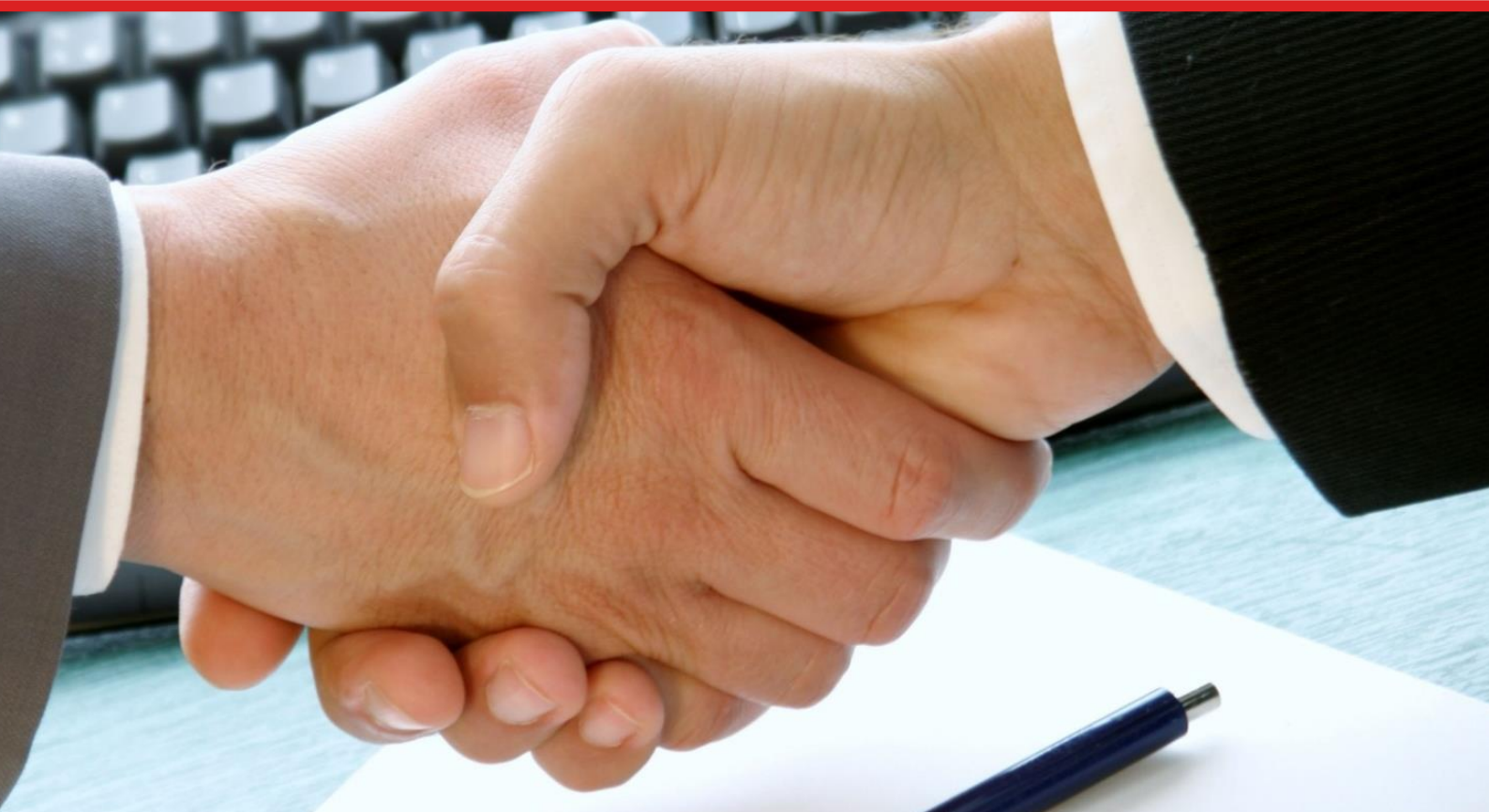


Ông Dương Du Minh - Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: Ngày 26 tháng 01 năm 1966
- Nơi sinh: TP. Bạc Liêu – Tỉnh Bạc Liêu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Bạc Liêu
- địa chỉ thường trú: Số 174A, Trần Hưng đạo Phường 5 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 1987 - > 1994: Làm việc tại Ngân hàng Công Thương Thị xã Bạc Liêu
 - Từ tháng 1995 - > nay: Làm việc tại Ngân hàng Ngoại Thương Cà Mau.
 - Ngày 04/05/2013 tại đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2013 được bầu vào Ủy viên HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.



Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã có 05 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch	04/05/2013	6/6	100%	
02	Lê Xuân Trình	Thành viên	04/05/2013	6/6	100%	
03	Trần Ngọc Diệp	Thành viên	15/05/2015	5/6	75%	Đi công tác
04	Thái Trường An	Thành viên	04/05/2013	6/6	100%	
05	Dương Du Minh	Thành viên	04/05/2013	6/6	100%	

Hội đồng quản trị luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đối với công tác điều hành hoạt động kinh doanh.

Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh thích ứng với cơ chế thị trường, nhằm đề ra các biện pháp tức thời và phù hợp trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Giám sát và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính trung thực, minh bạch về tài chính, về tình hình hoạt động kinh doanh, qua đó cũng tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, cổ đông thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.

Xây dựng kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2016 của Công ty mẹ và 2 Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Bách Việt và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu.

Chủ trì và chỉ đạo thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần In Bạc Liêu vào ngày 14/05/2016 và Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau vào ngày 21/05/2016.



Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ - HĐQT - 2016	01/01/2016	Thông qua quyết định giải thể Cửa hàng Xăng dầu Gành Hào. Thành lập Cửa hàng Điện Máy Lê Lợi, Cửa hàng Rượu Bia Nước Giải Khát Cà Mau, Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu.
02	02/NQ - HĐQT - 2016	26/04/2016	Thông qua: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2016; Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016; Ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Cà Mau với hạn mức 210 tỷ đồng; Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty tại xã An Xuyên, TP Cà Mau.
03	03/NQ - HĐQT - 2016	22/06/2016	Thông qua: Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016; Xây dựng tổng quỹ tiền lương kế hoạch 2016; Giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 cho Công ty TNHH một thành viên Bách Việt; Kế hoạch chi cổ tức còn lại của năm 2015 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt; Việc đầu tư xây dựng các tổng kho bách hóa, cửa hàng và đầu tư trang bị thêm phương tiện vận tải.
04	04/NQ - HĐQT - 2016	06/09/2016	Thông qua: Đơn xin nghỉ việc của ông Nguyễn Tấn Vạn - Trưởng phòng Tài chính kế toán và tin học kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.

05	05/NQ - HĐQT - 2016	04/11/2016	Thông qua: Kết quả hoạt động kinh doanh quý III/2016; Không thành lập Cửa hàng Rượu bia, nước giải khát; Xử lý xóa nợ khó đòi từ năm 2011 đến hết năm 2015; Tạm ứng cổ tức đợt 1/2016 với tỷ lệ 10% tiền mặt.
06	06 - NQ - HĐQT - 2016	22/12/2016	Thông qua: Kế hoạch kinh doanh năm 2017; Giải thể Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bách Việt tại Bạc Liêu; Tổng quỹ lương năm 2017.

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập trung vào một số vấn đề chính như sau:

- Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, quý; đôn đốc và giám sát ban điều hành Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- Thông qua Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã bầu lại chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Đồng thời sửa đổi một số Điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/04/2015.
- Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thành công tốt đẹp.
- Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư mua bán.
- Chỉ đạo thực hiện chuyển xếp lại lương BHXH, lương sản phẩm mới cho Ban lãnh đạo, CB.CNV và người lao động trong nội bộ Công ty theo Nghị định 103/2014/NĐ - CP ngày 11/11/2014.
- Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.
- Chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn tất hồ sơ thủ tục lấy ý kiến cổ đông về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Thực hiện gửi báo cáo phát hành cho UBCK Nhà nước. Thực hiện chốt danh sách ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu gửi Trung tâm lưu ký Chứng khoán và đã được chấp thuận hồ sơ và ngày chốt danh sách để thực hiện quyền cho cổ đông.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty: dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết/Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2016, Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị Công ty

Toàn bộ thành viên HĐQT, thành viên BKS đã tham gia khóa học về quản trị Công ty đã tổ chức trước đây. Tuy nhiên 2 Phó Tổng giám đốc là Ông Phù Chí Anh và Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc cùng Kế toán Trưởng kiêm Thư ký Công ty là Ông Nguyễn Tấn Vạn (Miễn nhiệm kể từ ngày 06/09/2016) chưa có điều kiện tham gia, sẽ cố gắng sắp xếp thời gian để hoàn thành khóa học về Quản trị Công ty trong thời gian sắp tới theo quy định hiện hành.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty như sau:

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Trần Chí Hiếu	Trưởng Ban
2	Nguyễn Tấn Tài	Thành viên
3	Ngô Thế Anh	Thành viên

Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát

Ông Trần Chí Hiếu – Trưởng Ban kiểm soát

- Sinh ngày: Ngày 05 tháng 7 năm 1962
- Nơi sinh: Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: 219 Lý Thường Kiệt – Phường 6 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: đại học Tài chính - Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 09/1981 - 04/1997 giữ các chức vụ: Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - Từ tháng 05/1997 - 11/2007 Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - Từ tháng 12/2007 đến nay giữ các chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Bách Việt.
 - Số cổ phần nắm giữ: 74.967 cổ phần
 - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Nguyễn Tấn Tài - Thành viên Ban kiểm soát

- Sinh ngày: Ngày 26 tháng 04 năm 1985
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 11 9ường 9B, khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0908.269252
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Quản trị kinh doanh Học viện Phát triển Quản lý Singapore.
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 05/2011 đến nay: Chuyên viên đầu tư Chi nhánh phía Nam - Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Ngô Thế Anh - Thành viên Ban kiểm soát

- Sinh ngày: Ngày 15 tháng 07 năm 1983
- Nơi sinh: Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cà Mau.
- địa chỉ thường trú: 72K đường Kinh sáng Bạc Liêu, Khóm 6, Phường 6, TP. Cà Mau
- Số điện thoại: 0977.765875
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 7/2006 – tháng 05/2008: Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh.
 - Từ tháng 5/2008 – tháng 02/2011: Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Hoạt động Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc trong các công tác sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của Công ty năm 2016.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính quý.
- Giám sát việc thực thi công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và ban Tổng giám đốc Công ty trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban kiểm soát.

HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát của mình. Cử các cán bộ chủ chốt của Công ty tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính, giải trình đầy đủ khi có yêu cầu.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị		324.000.000	460.000.000
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	84.000.000	150.000.000
2	Lê Xuân Trình	60.000.000	75.000.000
3	Trần Ngọc Diệp	60.000.000	65.000.000
4	Thái Trường An	60.000.000	75.000.000
5	Dương Du Minh	60.000.000	75.000.000
6	Nguyễn Văn Hóa	-	20.000.000
Ban kiểm soát		120.000.000	105.000.000
1	Trần Chí Hiếu	48.000.000	45.000.000
2	Nguyễn Tấn Tài	36.000.000	30.000.000
3	Ngô Thế Anh	36.000.000	30.000.000
Ban điều hành		1.721.773.900	180.000.000
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	511.277.193	-
2	Thái Trường An	313.669.590	-
3	Phù Chí Anh	332.931.439	75.000.000
4	Nguyễn Thị Việt Ngọc	312.740.000	75.000.000
5	Nguyễn Tấn Vạn	251.155.678	30.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016





CMV

Ý kiến kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kiểm toán 2016

*"Luôn luôn đồng hành
Luôn luôn chia sẻ"*

Số: 2159/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 (từ trang 09 đến trang 38) của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và các Công ty con là Công ty TNHH MTB Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”)

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

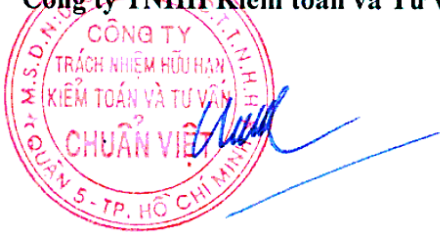
Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đoạn nhấn mạnh về khoản lãi chậm nộp phải trả cho SCIC.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Th.s Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1523-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Th.s Đào Vũ Thiên Long - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1739-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		585.340.410.084	520.557.817.788
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	59.754.355.900	54.956.843.826
111	1. Tiền		52.414.355.900	52.416.843.826
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.340.000.000	2.540.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		138.826.825.824	114.623.116.536
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	111.968.506.219	92.686.921.241
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	4.854.227.360	7.784.157.782
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	150.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	30.227.855.609	25.975.225.951
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(8.590.622.434)	(13.013.632.281)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.6	366.859.070	1.040.443.843
140	IV. Hàng tồn kho		380.804.269.895	345.008.251.857
141	1. Hàng tồn kho	V.7	380.804.269.895	345.008.251.857
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.954.958.465	5.969.605.569
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	216.127.074	323.058.513
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.738.831.391	5.464.472.747
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	182.074.309
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		106.591.167.294	100.243.954.262
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.068.160.000	1.603.040.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	2.068.160.000	1.603.040.000
220	II. Tài sản cố định		95.629.829.370	90.295.991.712
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	59.786.227.909	56.819.943.333
222	- Nguyên giá		136.269.978.635	128.865.846.231
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.483.750.726)	(72.045.902.898)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	35.843.601.461	33.476.048.379
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	34.688.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.305.365.202)	(1.212.918.284)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.158.228.364	736.000.000
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	2.158.228.364	736.000.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.12	5.188.805.000	6.306.716.200
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.310.772.200)	(2.192.861.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.546.144.560	1.302.206.350
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	1.481.699.695	1.237.761.485
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		64.444.865	64.444.865
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		691.931.577.378	620.801.772.050

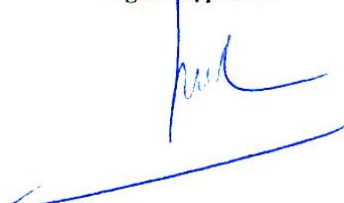
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		519.404.813.108	451.860.893.491
310	I. Nợ ngắn hạn		519.089.813.108	451.545.893.491
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	137.127.848.292	127.425.901.818
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	1.981.017.880	966.117.263
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	6.773.174.168	3.235.135.831
314	4. Phải trả người lao động	V.16	19.132.100.979	11.096.380.055
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	833.288.595	1.309.565.742
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	1.484.781.758	1.581.462.500
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	9.670.809.952	6.691.528.911
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	339.454.581.006	296.563.550.128
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.632.210.478	2.676.251.243
330	II. Nợ dài hạn		315.000.000	315.000.000
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.19b	315.000.000	315.000.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		172.526.764.270	168.940.878.559
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	172.526.764.270	168.940.878.559
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		121.039.120.000	121.039.120.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.039.120.000	121.039.120.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.750.000.000	1.750.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		770.000.000	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		20.928.029.036	18.716.363.499
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.110.319.220	20.749.071.821
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.230.128.238	3.579.408.244
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		13.880.190.982	17.169.663.577
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.929.296.014	6.686.323.239
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		691.931.577.378	620.801.772.050

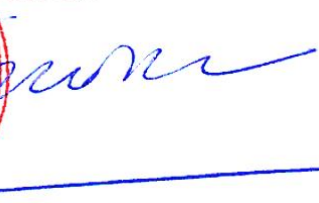
Cà Mau, ngày 25 tháng 3 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHÙ CHÍ ANH

PHÙ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.027.211.357.117	4.074.238.267.660
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	977.146.183	678.344.649
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.026.234.210.934	4.073.559.923.011
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	3.906.832.494.190	3.941.818.454.735
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		119.401.716.744	131.741.468.276
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.081.257.895	1.419.849.551
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	15.377.435.580	15.367.763.165
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.864.434.829	11.866.493.191
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	102.086.662.559	89.615.777.720
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	29.157.619.416	25.808.857.529
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(26.138.742.916)	2.368.919.413
31	12. Thu nhập khác	VI.8	65.726.666.163	39.689.155.811
32	13. Chi phí khác	VI.9	4.421.322.806	804.111.626
40	14. Lợi nhuận khác		61.305.343.357	38.885.044.185
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.166.600.441	41.253.963.598
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	8.162.382.823	9.813.832.095
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		27.004.217.618	31.440.131.503
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		25.340.432.900	30.176.694.523
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.663.784.718	1.263.436.980
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12a	1.884	2.176
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12b	1.884	2.176

Người lập biểu

PHÙ CHÍ ANH

Kế toán trưởng

PHÙ CHÍ ANH

Cà Mau, ngày 25 tháng 3 năm 2017.

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		35.166.600.441	41.253.963.598
	2. Điều chỉnh các khoản		22.704.890.492	21.216.200.715
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		7.157.405.485	6.550.136.739
03	- Các khoản dự phòng		4.187.984.513	3.154.352.670
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.631.376.263)	(354.781.885)
06	- Chi phí lãi vay		12.990.876.757	11.866.493.191
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		57.871.490.933	62.470.164.313
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.399.715.727)	4.488.174.354
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(35.796.018.038)	(23.816.012.985)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		15.012.394.936	(75.732.255.520)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		314.406.493	(316.434.392)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.705.007.628)	(11.826.753.729)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.772.506.566)	(9.547.397.895)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		477.500.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.911.116.563)	(1.514.014.855)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.908.572.160)	(55.794.530.709)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.587.493.407)	(8.782.242.412)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		268.181.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	550.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.446.995.095	354.781.885
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.872.316.494)	(7.877.460.527)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.030.703.512.941	1.953.224.850.642
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.992.662.482.063)	(1.861.314.062.350)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.162.630.150)	(18.564.557.840)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		19.578.400.728	73.346.230.452
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		4.797.512.074	9.674.239.216
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		54.956.843.826	45.282.604.610
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	59.754.355.900	54.956.843.826

Người lập biểu

Kế toán trưởng

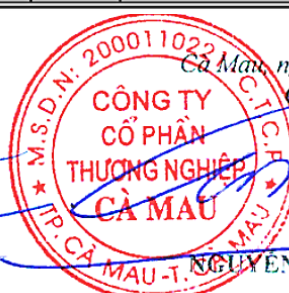
Cà Mau, ngày 25 tháng 3 năm 2017.

Giám đốc

PHÙ CHÍ ANH

PHÙ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Khoản mục thu nhập khác năm nay tăng cao so với năm trước là do việc thay đổi chính sách các khoản hàng thương mại, chiết khấu từ nhà cung cấp nên ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 26 – 28 đường Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá điếu; hàng mỹ phẩm, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân.	55%	55%	55%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
<i>Chi nhánh công ty Cổ phần Thương nghiệp tại Bạc Liêu</i>	<i>Số 82/4 đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu</i>
<i>Chi nhánh công ty Cổ phần Thương nghiệp tại Sóc Trăng</i>	<i>Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Vĩnh Châu</i>
<i>Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình</i>	<i>Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau</i>
<i>Chi nhánh Cổ phần Thương nghiệp tại Kiên Giang</i>	<i>Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang</i>
<i>Chi nhánh Cổ phần Thương nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh</i>
<i>Chi nhánh: Cửa hàng xăng dầu Hưng Mỹ</i>	<i>ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau</i>
<i>Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu</i>	<i>Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau</i>
<i>Chi nhánh: Cửa Hàng Xăng dầu Ngô Quyền</i>	<i>Lô 290 đường Ngô Quyền, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau</i>

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 619 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 601 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư nêu trên và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định -cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013::

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán

- Chi phí trả trước: Là chi phí phân bổ các công cụ, dụng cụ trong ngành thực phẩm và xăng, dầu.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm chủ yếu là hàng bán lẻ và xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Số liệu so sánh

Trình bày lại số đầu năm và số năm trước cho phù hợp với quy định hiện hành.

	Mã số	Số liệu trước điều		Số liệu sau điều
		chỉnh	Các điều chỉnh	chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
TÀI SẢN				
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	1.024.162.799	16.281.044	1.040.443.843
Tài sản ngắn hạn khác	155	30.000.000	(30.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	25.945.225.951	30.000.000	25.975.225.951
TỔNG CỘNG		27.269.388.750	16.281.044	27.015.669.794
NGUỒN VỐN				
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.675.247.867	16.281.044	6.691.528.911
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.360.549.761	(315.000.000)	1.045.549.761
Phải trả dài hạn khác	337	-	315.000.000	315.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	1.581.462.500	1.581.462.500
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	1.581.462.500	(1.581.462.500)	-
TỔNG CỘNG		9.617.260.128	16.281.044	9.633.541.172
Kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.244	(68)	2.176

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	35.684.707.964	32.904.207.427
1.2	Tiền gửi ngân hàng (*)	16.729.647.936	19.512.636.399
1.3	Các khoản tương đương tiền (là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng)	7.340.000.000	2.540.000.000
	Tổng cộng	59.754.355.900	54.956.843.826

(*) Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng đã được làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo hợp đồng thế chấp số VNM 111810/DUL trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích (tương đương 2.500.000.000 đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	111.968.506.219	92.686.921.241
CN Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	12.631.259.659	10.886.414.344
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm	12.253.356.918	11.734.715.877
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	10.504.475.994	10.701.635.729
Các khách hàng khác	76.579.413.648	59.364.155.291
Cộng	<u>111.968.506.219</u>	<u>92.686.921.241</u>

Trong đó, khoản phải thu đã được làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MR trị giá 60.000.000.000 đồng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	-	7.784.157.782
Công ty Cổ phần Pin Ac quy Miền Nam	1.597.087.743	77.212.036
Công ty CP Thực phẩm Quốc tế	468.192.051	2.877.869.979
Công ty CP Hàng tiêu dùng Ma san-(KG)	466.919.691	404.048.110
Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution-(KG)	448.229.546	401.374.891
Các khách hàng khác	1.873.798.329	4.023.652.766
Cộng	<u>4.854.227.360</u>	<u>7.784.157.782</u>

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	30.227.855.609	(6.019.822.727)	25.975.225.951	(8.814.317.094)
Phải thu hàng khuyến mãi hộ (*)	8.418.707.013	-	3.304.310.000	(3.304.310.000)
Ký cược, ký quỹ	7.535.450.000	-	7.939.771.107	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.273.698.596	(6.019.822.727)	14.731.144.844	(5.510.007.094)
Cộng	<u>30.227.855.609</u>	<u>(6.019.822.727)</u>	<u>25.975.225.951</u>	<u>(8.814.317.094)</u>

(*) Phải thu hàng khuyến mãi hộ là khoản chi khuyến mãi hộ trước chờ nhà cung cấp trả lại.

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược vỏ bia, nước giải khát.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.068.160.000	-	1.603.040.000	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.068.160.000	-	1.603.040.000	-
Cộng	<u>2.068.160.000</u>	<u>-</u>	<u>1.603.040.000</u>	<u>-</u>

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khách hàng tại văn phòng Công ty	185.809.919	89.005.000	185.809.919	124.766.983
Khách hàng tại cửa hàng điện máy Cà Mau	562.265.640	16.050.305	657.253.640	114.371.700
Khách hàng tại chi nhánh Kiên Giang	468.762.807	3.255.186	526.591.324	18.094.042
Khách hàng tại cửa hàng công nghệ thực phẩm Ngã Năm	376.314.504	150.668.599	430.981.767	305.434.976
Khách hàng tại cửa hàng công nghệ thực phẩm huyện Cái Nước	153.457.036	2.868.732	346.834.490	23.518.427
Khách hàng tại cửa hàng điện máy Bạc Liêu	193.610.000	17.364.400	195.064.120	36.491.736
Khách hàng khác	1.172.334.465	262.542.442	4.112.712.869	1.633.255.077
Phải thu khác	6.019.822.727	-	8.814.317.093	-
	9.132.377.098	541.754.664	15.269.565.222	2.255.932.941

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(13.013.632.281)	(11.234.475.065)
Trích lập trong năm	(3.316.830.562)	(1.779.157.216)
Xóa nợ (*)	7.695.829.990	-
Hoàn nhập dự phòng	44.010.419	-
Số dư cuối năm	(8.590.622.434)	(13.013.632.281)

(*) Xóa nợ khó đòi theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT-2016 của Hội đồng Quản trị ngày 04 tháng 11 năm 2016.

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu đang chờ xử lý

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	380.804.269.895	-	345.008.251.857	-
Cộng	380.804.269.895	-	345.008.251.857	-

Trong đó, khoản hàng tồn kho đã được làm tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MS trị giá 60.000.000.000 đồng.

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí phân bổ các công cụ, dụng cụ và tiền thuê nhà.

Chi tiết gồm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	323.058.513	294.491.501
Tăng trong năm	1.675.445.272	1.289.778.225
Phân bổ trong năm	(1.782.376.711)	(1.261.211.213)
Số cuối năm	216.127.074	323.058.513

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ .

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.237.761.485	787.384.602
Tăng trong năm	952.558.736	988.263.409
Phân bổ trong năm	(708.620.526)	(537.886.526)
Số cuối năm	1.481.699.695	1.237.761.485

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	70.878.110.066	30.346.843.257	26.470.968.514	630.283.660	539.640.734	128.865.846.231
2. Tăng trong năm	4.552.063.856	1.993.300.000	3.292.381.820	424.818.182	-	10.262.563.858
3. Giảm trong năm	(2.415.466.454)	(156.000.000)	(286.965.000)	-	-	(2.858.431.454)
4. Số cuối năm	73.014.707.468	32.184.143.257	29.476.385.334	1.055.101.842	539.640.734	136.269.978.635
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	31.307.287.695	23.725.307.824	15.843.382.985	630.283.660	539.640.734	72.045.902.898
2. Tăng trong năm	3.559.961.415	1.627.513.697	1.829.494.508	32.015.421	-	7.048.985.041
3. Giảm trong năm	(2.200.172.212)	(156.000.000)	(254.965.000)	-	-	(2.611.137.213)
4. Số cuối năm	32.667.076.898	25.196.821.521	17.417.912.493	662.299.081	539.640.734	76.483.750.726
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	39.570.822.371	6.621.535.433	10.627.585.529	-	-	56.819.943.333
2. Tại ngày cuối năm	40.347.630.570	6.987.321.736	12.058.472.841	392.802.761	-	59.786.227.909

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.656.723.273 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	33.839.745.183	849.221.480	34.688.966.663
2. Tăng trong năm	2.460.000.000	-	2.460.000.000
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	363.696.804	849.221.480	1.212.918.284
2. Tăng trong năm	92.446.918	-	92.446.918
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	456.143.722	849.221.480	1.305.365.202
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	33.476.048.379	-	33.476.048.379
2. Tại ngày cuối năm	35.843.601.461	-	35.843.601.461

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 849.221.480 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	736.000.000	11.124.897.027	(9.702.668.663)	-	2.158.228.364
Cộng	736.000.000	11.124.897.027	(9.702.668.663)	-	2.158.228.364

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.499.577.200	(3.310.772.200)	5.188.805.000	8.499.577.200
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000
Công ty Cổ phần TM KT & Đầu Tư Petec	4.186.371.000	(3.189.616.000)	996.755.000	4.186.371.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật Tư Xăng Dầu Petec	312.000.000	-	312.000.000	312.000.000
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	426.000.000	-	426.000.000	426.000.000
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 2	553.706.200	(121.156.200)	432.550.000	553.706.200
Cộng	8.499.577.200	(3.310.772.200)	5.188.805.000	8.499.577.200

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.192.861.000)	(2.192.861.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.117.911.200)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(3.310.772.200)	(2.192.861.000)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	137.127.848.292	127.425.901.818
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng	47.850.847.070	21.901.974.810
Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (VN) tại CT - (KG)	12.315.241.536	15.977.929.468
Các khách hàng khác	76.961.759.686	89.545.997.540
Cộng	137.127.848.292	127.425.901.818

Số nợ quá hạn chưa thanh toán : 0 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác</i>	1.981.017.880	966.117.263
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bạc Liêu	910.000.000	543.532.000
Trần Văn Trung (Trần Thị Kia)	656.250.000	-
Các khách hàng khác	414.767.880	422.585.263
Cộng	1.981.017.880	966.117.263

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	270.831.653	13.394.820.017	(10.721.343.979)	-	2.944.324.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.951.591.756	8.162.382.823	(7.772.506.566)	-	3.341.468.013
Thuế thu nhập cá nhân	182.074.309	12.712.422	920.988.168	(1.549.418.883)	-	487.381.464
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.577.229.641	(1.577.229.641)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	77.075.467	(77.075.467)	-	-
Cộng	182.074.309	3.235.135.831	24.132.496.116	(21.697.574.536)	-	6.773.174.168

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%,10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Cơ sở trích lập quỹ lương là theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHĐ-2016 ngày 21 tháng 05 năm 2016. Theo đó, đơn giá tiền lương là 7.000.000 đồng x tổng số lao động là 620 người.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	833.288.595	1.309.565.742
Chi phí lãi vay phải trả	285.869.129	183.470.172
Chi phí vận chuyển	218.093.480	876.804.584
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	329.325.986	249.290.986
Cộng	<u>833.288.595</u>	<u>1.309.565.742</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.484.781.758	1.581.462.500
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	1.484.781.758	1.581.462.500
Cộng	<u>1.484.781.758</u>	<u>1.581.462.500</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.175.239.987	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (*)	4.175.239.987	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.495.569.965	6.691.528.911
Phải trả cổ tức	1.781.251.520	1.774.515.695
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	749.939.316	670.329.952
Kinh phí công đoàn	836.792.328	440.103.142
Tài sản thừa chờ xử lý	16.281.044	16.281.044
Các khách hàng khác	2.111.305.757	3.790.299.078
Cộng	9.670.809.952	6.691.528.911

(*) Là khoản phải trả cho SCIC theo công văn số 2791/BTC-TCDN ngày 03 tháng 03 năm 2017 về việc xử lý lãi chậm nộp Quỹ Hỗ trợ Sản xuất và Phát triển Doanh nghiệp.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị		Giá trị	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	339.454.581.006	339.454.581.006	296.563.550.128	296.563.550.128
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương ⁽ⁱ⁾	229.479.723.543	229.479.723.543	189.916.143.827	189.916.143.827
Ngân hàng TNHH MTV HSBC ⁽ⁱⁱ⁾	50.968.497.600	50.968.497.600	19.314.180.000	19.314.180.000
Ngân hàng TMCP Công Thương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	59.006.359.863	59.006.359.863	58.103.975.765	58.103.975.765
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	19.057.117.110	19.057.117.110
Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN	-	-	10.172.133.426	10.172.133.426
Cộng	339.454.581.006	339.454.581.006	296.563.550.128	296.563.550.128

(i) Khoản vay theo hợp đồng số 108/2016/NHNT ngày 05/05/2016 kèm theo Hợp đồng số 109/2016/NHNT ngày 05/05/2016 và hợp đồng số 263/2016/NHNT ngày 07/11/2016 kèm theo Hợp đồng số 264/2016/NHNT ngày 07/11/2016 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay 06 tháng. Vay bằng tín chấp.

(ii) Khoản vay theo hợp đồng số VNM 152580 ngày 10/12/2015 của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam để đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho nhu cầu dịch vụ thương mại (bao gồm phát hành bảo lãnh), với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:

- Cầm cố tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố số VNM 111810/DUL trong tài khoản của công ty mở tại ngân hàng trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích.
 - Thẻ chấp hàng hóa trong kho theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MS trị giá 60.000.000.000 đồng và hợp đồng bảo hiểm cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng từ công ty bảo hiểm Ngân hàng chấp nhận.
 - Thẻ chấp khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MR trị giá 60.000.000.000 đồng
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng số Số 16.0019/2016-HĐTDHM/NHCT860-CT THƯƠNG NGHIỆP ngày 11/04/2016 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Vay bằng tín chấp.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
			nhuận		
Quỹ khen thưởng	2.068.223.508		1.527.781.954	(1.608.372.286)	1.987.633.176
Quỹ phúc lợi	588.981.146		1.527.781.954	(1.491.232.389)	625.530.711
Quỹ thưởng Ban quản lý, Điều hành	19.046.591		-	-	19.046.591
Cộng	2.676.251.245		3.055.563.908	(3.099.604.675)	2.632.210.478

22. **Vốn chủ sở hữu**22a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	-	18.484.733.386	9.631.364.244	6.218.968.032	157.124.185.662
Tăng trong năm trước	-	-	-	231.630.113	30.176.694.523	1.263.436.980	31.671.761.616
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(19.058.986.946)	(796.081.773)	(19.855.068.719)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	-	18.716.363.499	20.749.071.821	6.686.323.239	168.940.878.559
Tăng trong năm	-	-	770.000.000	2.596.665.537	25.340.432.900	1.663.784.718	30.370.013.155
Giảm trong năm	-	-	-	(385.000.000)	(24.979.185.501)	(1.420.811.943)	(26.784.127.444)
Số dư cuối năm	121.039.120.000	1.750.000.000	770.000.000	20.928.029.036	21.110.319.220	6.929.296.014	172.526.764.270

22b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	36,63%	44.334.250.000	44.324.350.000
- Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam	24,26%	29.360.240.000	29.360.240.000
- Cổ đông khác	39,11%	47.344.630.000	47.344.630.000
Cộng	100%	121.039.120.000	121.039.120.000

22c. Cổ phiếu

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

22d. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	20.749.071.821
Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.340.432.900
Phân phối trong năm:	(24.979.185.501)
+ <i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>(1.361.403.482)</i>
+ <i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>(1.361.403.482)</i>
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>(2.596.665.537)</i>
+ <i>Thưởng HĐQT, BĐH và thù lao HĐQT, BKS</i>	<i>(1.118.845.000)</i>
+ <i>Chia cổ tức năm 2015</i>	<i>(6.051.956.000)</i>
+ <i>Tạm ứng cổ tức năm 2016</i>	<i>(12.103.912.000)</i>
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	<i>(385.000.000)</i>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	21.110.319.220

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		8.405.141.722		709.311.732
Ngoại tệ các loại (USD)	542,83	8.689.159	542,83	8.687.342

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng bách hóa	2.740.051.833.025	2.552.057.785.255
Doanh thu bán xăng dầu	1.037.208.931.023	1.272.961.196.122
Doanh thu khác	249.983.320.343	249.219.286.283
Cộng	4.027.244.084.391	4.074.238.267.660

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	977.146.183	678.344.649
Cộng	977.146.183	678.344.649

3. Giá vốn bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng hóa	2.697.852.571.446	2.498.913.443.415
Giá vốn hàng bán xăng dầu	976.688.141.959	1.218.991.122.361
Giá vốn khác	232.291.780.785	224.544.988.305
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(631.099.346)
Cộng	3.906.832.494.190	3.941.818.454.735

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	200.270.632	350.936.885
Lãi bán hàng trả chậm	866.262.800	1.048.099.487
Cổ tức, lợi nhuận được chia	870.000	3.845.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.854.463	16.968.179
Cộng	1.081.257.895	1.419.849.551

5. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	12.864.434.829	11.866.493.191
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.117.911.200	2.006.294.800
Chi phí tài chính khác	1.395.089.551	1.494.975.174
Cộng	15.377.435.580	15.367.763.165

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	68.077.542.407	63.352.035.632
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	2.559.772.725	5.146.113.584
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.692.760.101	5.146.600.444
Chi phí mua ngoài	20.272.112.194	12.490.498.316
Chi phí khác bằng tiền	5.517.202.406	3.480.529.744
Cộng	102.119.389.833	89.615.777.720

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.681.634.040	15.417.029.187
Chi phí vật liệu quản lý	224.480.274	375.644.706
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.659.232	27.643.392
Thuế, phí, lệ phí	1.692.683.120	1.804.871.508
Chi phí dự phòng	3.316.830.562	1.779.157.216
Hoàn nhập dự phòng	(44.010.419)	-
Chi phí mua ngoài	1.876.698.921	2.046.204.331
Chi phí khác bằng tiền	7.377.643.686	4.358.307.189
Cộng	29.157.619.416	25.808.857.529

8. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản thưởng, khuyến mãi hộ còn thừa	53.820.550.267	35.101.460.043
Tiền bồi thường	2.424.019.408	-
Thu từ thanh lý tài sản	184.381.168	-
Thu từ các khoản nợ đã xóa	9.368.000	1.008.879
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	641.800	3.165.000
Thu nhập khác	9.287.705.520	4.583.521.889
Cộng	65.726.666.163	39.689.155.811

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp về cổ phần hóa cho SICI	4.175.239.987	-
Chi phí khác	246.082.819	804.111.626
Cộng	<u>4.421.322.806</u>	<u>804.111.626</u>

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.166.600.441	41.253.963.598
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	5.429.681.736	3.354.364.107
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(870.000)	(692.817.635)
Thu nhập chịu thuế	40.596.282.177	44.608.327.705
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>22%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.119.256.435	9.813.832.095
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	43.126.388	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>8.162.382.823</u>	<u>9.813.832.095</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.474.347.047	87.284.463.744
Chi phí nhân công	21.922.103.059	20.879.490.004
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.148.655.485	6.550.136.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.200.133.007	17.063.974.553
Chi phí khác bằng tiền	15.664.676.273	11.422.865.654
Cộng	<u>163.409.914.871</u>	<u>143.200.930.694</u>

12. Lãi trên cổ phiếu**12a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.340.432.900	30.176.694.523
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(2.534.043.290)	(3.841.651.964)
<i>Thưởng HĐQT, BDH và thù lao HĐQT, BKS</i>	-	(1.118.845.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.806.389.610	26.335.042.559
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.103.912	12.103.912
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.884</u>	<u>2.176</u>

(*) Công ty tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015, căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHĐ-2016 ngày 21 tháng 05 năm 2016. Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

12b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.806.389.610	26.335.042.559
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
<i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.805.606.610	26.335.042.559
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.103.912	12.103.912
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.884</u>	<u>2.176</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT:VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Cầm cố tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố số VNM 111810/DUL trong tài khoản của Tập đoàn mở tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích (tương đương 2.500.000.000 đồng).

3. Thu tiền từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.001.131.140.283	1.876.562.513.481
Cộng	<u>2.001.131.140.283</u>	<u>1.876.562.513.481</u>

4. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.944.182.992.295	1.803.708.842.299
Cộng	<u>1.944.182.992.295</u>	<u>1.803.708.842.299</u>

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT :VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty đang kiện ông Lê Thanh Cần vì đã làm thất thoát hàng hóa và hy vọng sẽ được thanh toán một số tiền khoản 800.000.000 VNĐ (khoản này đã được lập dự phòng).

2. Nợ tiềm tàng

Không tồn tại các khoản nợ tiềm tàng nào trong tương lai.

3. Tiền lương và tiền thưởng của các thành viên chủ chốt (*) của Công ty

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và phúc lợi khác	3.779.618.222	2.856.710.349
Cổ tức	384.642.500	384.642.500
Cộng	4.164.260.722	3.241.352.849

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều Hành.

4. Mọi quan hệ với các bên liên quan

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
4.1	Công ty TNHH MTV Bách Việt	Công ty con	100,00%
4.2	Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Công ty con	55,00%
4.3	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Chủ sở hữu	36,63%

4.3. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước

Các giao dịch phát sinh trong năm

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp về cổ phần hóa cho SCIC	4.175.239.987	-
Cổ tức	4.433.425.000	4.433.425.000

Sô dư với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp	44.334.250.000	44.334.250.000
Phải trả ngắn hạn khác	4.175.239.987	-

5. Tài sản đảm bảo

- Cầm cố tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố số VNM 111810/DUL trong tài khoản của Tập đoàn mở tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam trị giá ít nhất 5% trị giá tiện ích (tương đương 2.500.000.000 đồng).
- Thẻ chấp hàng hóa trong kho theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MS trị giá 60.000.000.000 đồng và hợp đồng bảo hiểm cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng từ công ty bảo hiểm được Ngân hàng chấp nhận.
- Thẻ chấp khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số VNM 111810/MR trị giá 60.000.000.000 đồng.

6. Nợ tiềm tàng

Không tồn tại các khoản nợ tiềm tàng nào trong tương lai.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.

8. Báo cáo theo bộ phận**8a. Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động xăng dầu	Hoạt động bán hàng	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.037.208.931.023	2.739.074.686.842	249.983.320.343	4.026.266.938.208
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	976.688.141.959	2.697.852.571.446	232.291.780.785	3.906.832.494.190
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.520.789.064	41.222.115.396	17.691.539.558	119.434.444.018
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.272.961.196.122	2.693.345.950.508	107.252.776.381	4.073.559.923.011
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	1.218.991.122.361	2.639.570.509.322	83.256.823.052	3.941.818.454.735
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.970.073.761	53.775.441.186	23.995.953.329	131.741.468.276

8b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

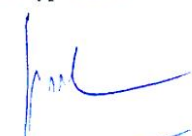
Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 25 tháng 3 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




PHÙ CHÍ ANH

PHÙ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH





CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chi Việt Anh